



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – TĂNG THỊ TUYẾT MAI
NGUYỄN THỊ MINH NGỌC – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

Bài tập NGŨ VẦN



TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – TĂNG THỊ TUYẾT MAI
NGUYỄN THỊ MINH NGỌC – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

Bài tập **NGŨ VẦN**



TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Nếu học mà không thực hành thì sẽ không hiểu sâu, nhớ lâu những lí thuyết được học và hình thành, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được xác định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đó là lí do phương châm “Học đi đôi với hành” luôn được đề cao trong giáo dục.

Cuốn **Bài tập Ngữ văn 7**, bộ sách **Chân trời sáng tạo** được các tác giả biên soạn nhằm giúp các em vận dụng những tri thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 7* (NXB Giáo dục Việt Nam, 2022) vào đọc hiểu các văn bản, làm các bài tập tiếng Việt cũng như thực hành viết, nói và nghe các kiểu bài để từ đó củng cố, nâng cao các kĩ năng đọc, viết, nói – nghe.

Cuốn sách gồm 2 tập, mỗi tập có 5 bài tương ứng với các chủ điểm trong sách giáo khoa *Ngữ văn 7*. Mỗi bài gồm có hai phần: phần thứ nhất trình bày hệ thống các bài tập đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe; phần thứ hai hướng dẫn các em cách làm bài tập và gợi ý câu trả lời.

Chúc các em có nhiều niềm vui trong học tập!

NHÓM TÁC GIẢ



Bài 6

HÀNH TRÌNH TRI THỨC

(Nghị luận xã hội)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Trình bày khái niệm và yêu cầu của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống (nghị luận xã hội).
2. Dựa vào bảng sau em hãy nêu điểm giống và khác nhau giữa văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:

	Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống	Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học
Giống		
Khác (về đề tài, ý kiến, lí lẽ, bằng chứng)		

3. Khi đọc văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống, em nên chú ý điều gì?
4. Chỉ ra câu văn thể hiện lí lẽ, câu văn thể hiện bằng chứng trong đoạn văn sau:

Quan trọng hơn cả, tự học còn là một thú vui rất thanh nhã, nó nâng cao tâm hồn ta lên. Ta vui vì thấy khả năng của ta đã thăng tiến và ta giúp đời nhiều hơn trước. Một thầy kĩ, một bác nông phu, bất kì hạng người nào, nếu chịu học hỏi tìm kiếm, cũng có thể cải thiện phương pháp làm việc của mình, và giảng giải những kinh nghiệm của mình cho người khác. Sau cùng, còn gì vui bằng tìm tòi và khám phá: Pát-xơ-tơ (Pasteur), Anh-xơ-tanh (Einstein), hai vợ chồng Kiu-ri (Curie) và hàng trăm nhà bác học khác, suốt đời nghèo nàn mà lúc nào cũng mãn nguyện hơn những vua chúa trên ngai vàng; cả tháng cả năm tự giam trong phòng thí nghiệm, không hề biết những tiêu khiển của người đời mà thấy thời giờ trôi qua vẫn quá mau, là nhờ thú tự học tìm tòi của họ.

(Theo Nguyễn Hiến Lê, *Tự học – một nhu cầu thời đại*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2007)

5. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

ĐỪNG SỢ THẤT BẠI

Theo Kim Thị Mùa Đông

Nếu ta muốn sống một cuộc đời mà không phạm sai lầm nào, làm gì được nấy thì hoặc là ta ảo tưởng hoặc là ta hèn nhát trước cuộc đời. Bởi cuộc đời giống như một con đường không phải lúc nào cũng tràn ngập hoa thơm và ánh nắng, sẽ có những đoạn đường đầy gai góc, đầy mưa và bão tố. Những lúc như thế, ta có thể ngã quỵ xuống nhưng ta không thể đầu hàng, tuyệt vọng, bởi đó không phải là con đường cùng, thất bại không phải là ta vô dụng, ngu ngốc mà chỉ là thành công bị trì hoãn mà thôi. Có thể nói, dám đối mặt và đứng lên từ thất bại là một bài học quan trọng cho chúng ta trên đường đời.

Thất bại là điều khó tránh khỏi trong cuộc sống, quan trọng là ta phải biết đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã, đối diện với sự thật và rút ra những bài học kinh nghiệm. Do vậy, đừng vì thất bại mà nản chí, mất niềm tin vào bản thân mình và cuộc sống, hãy biến thất bại thành bàn đạp vươn đến thành công.

Lu-y Pát-xơ-tơ (Louis Pasteur) – nhà khoa học nổi tiếng thế giới, người có công vĩ đại trong việc tìm ra vắc-xin (vaccine) phòng đại đã từng chỉ là sinh viên bình thường trong số những sinh viên chưa tốt nghiệp, từng xếp hạng 15/22 ở môn Hoá. Ông cũng phải nếm mùi thất bại và khó khăn khi công bố phát minh của mình về sự tiệt trùng. Người đương thời không công nhận ông. Nhưng điều kì diệu là ông luôn có niềm tin mãnh liệt vào bản thân mình và sự đúng đắn của khoa học, luôn rút ra kinh nghiệm sau mỗi lần thất bại. Sự kiên nhẫn và niềm tin ấy đã làm cho tên tuổi của ông toả sáng mãi trong lịch sử văn minh nhân loại.

Bạn biết không? “Sự sống nảy sinh từ trong cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để vượt qua những ranh giới ấy” (Nguyễn Khải). Vậy thì hãy đứng cảm lên bạn ơi! Đừng bao giờ nghĩ là ta đã thất bại mà đó chỉ là một bước lùi cho ba bước tiến và hãy học cách đứng dậy sau khi vấp ngã. Có gì đâu khi “thất bại là mẹ thành công” và nếu không có mùa đông thì mùa xuân đã không dễ chịu đến thế; nếu đôi khi chúng ta không nếm trải khó khăn thì không thể cảm nhận vị của thành công lại ngọt ngào đến thế.

(In trong *Tuyển tập đề bài và bài văn nghị luận xã hội*, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014)

- Văn bản trên được viết ra nhằm mục đích gì?
- Vẽ sơ đồ thể hiện ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.
- Em có nhận xét gì về bằng chứng tác giả nêu ra trong văn bản? Việc đưa bằng chứng như vậy có tác dụng gì trong việc thực hiện mục đích văn bản?
- Chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện trong *Đừng sợ thất bại*.
- Tại sao tác giả cho rằng thất bại là “một bước lùi cho ba bước tiến”?
- Theo em, việc học hỏi từ thất bại sẽ mang đến cho chúng ta lợi ích gì?

II. TIẾNG VIỆT

1. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

- Liên kết* có tác dụng làm cho văn bản.....
- Đặc điểm của một văn bản có tính liên kết*.
 - Nội dung các câu, các đoạn vàchặt chẽ với nhau.
 - Các câu, các đoạn được kết nối với nhau bằng các thích hợp.

2. Dựa vào gợi ý trong bảng sau, trình bày hiểu biết của em về các phép liên kết:

Phép liên kết	Khái niệm	Ví dụ
Phép lặp từ ngữ		
Phép thế		
Phép nối		
Phép liên tưởng		

3. Chỉ ra một phép liên kết được sử dụng để liên kết hai đoạn văn sau:

Thất bại là điều khó tránh khỏi trong cuộc sống, quan trọng là ta phải biết đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã, đối diện với sự thật và rút ra những bài học kinh nghiệm. Do vậy, đừng vì thất bại mà nản chí, mất niềm tin vào bản thân mình và cuộc sống, hãy biến thất bại thành bàn đạp vươn đến thành công.

Lu-y Pát-xơ-tơ (Louise Pasteur) – nhà khoa học nổi tiếng thế giới, người có công lao vĩ đại trong việc tìm ra vắc-xin (vaccine) phòng đại đã

từng chỉ là sinh viên bình thường trong số những sinh viên chưa tốt nghiệp, từng xếp hạng 15/22 ở môn Hoá. Ông cũng phải nếm mùi thất bại và khó khăn khi công bố phát minh của mình về sự tiết trùng. Người đương thời không công nhận ông. Nhưng điều kì diệu là ông luôn có niềm tin mãnh liệt vào bản thân mình và sự đứng đắn của khoa học, luôn rút ra kinh nghiệm sau mỗi lần thất bại. Sự kiên nhẫn và niềm tin ấy đã làm cho tên tuổi của ông toả sáng mãi trong lịch sử văn minh nhân loại.

(Kim Thị Mùa Đông, Đừng sợ thất bại)

4. Trong đoạn văn sau, tác giả sử dụng phép liên kết nào?

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó vượt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước.

(Hồ Chí Minh, Tinh thần yêu nước của nhân dân ta)

- a. Phép lặp từ ngữ
- b. Phép nối
- c. Phép thế
- d. Cả ba phương án trên

5. Chỉ ra phép liên tưởng trong đoạn văn sau:

Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ.

(Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)

6. Xác định phép liên kết trong các đoạn văn sau:

- a. *Quan trọng hơn cả, tự học còn là một thú vui rất thanh nhã, nó nâng cao tâm hồn ta lên. Ta vui vì thấy khả năng của ta đã thăng tiến và ta giúp đời nhiều hơn trước.*

(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích)

- b. *Muốn có được cuộc sống thoải mái, sung sướng là một nhu cầu hoàn toàn chính đáng của con người. Nhưng chúng ta lại thường không biết*

dừng lại đúng lúc vì lòng tham của con người là vô đáy, sẽ mang đến những hậu quả khôn lường.

- c. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần của nhân loại. Nếu chúng ta mong tiến lên từ văn hoá, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xóa bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ, thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước.

(Chu Quang Tiềm, Bàn về đọc sách)

III. VIẾT

1. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống thuộc thể..... Trong đó, người viết đưa ra ý kiến của mình về một vấn đề gọi ra từ, hoặc một vấn đề thuộc về

2. Trình bày những yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

3. Dòng nào dưới đây không phải là đề tài của bài văn nghị luận về vấn đề đời sống:

- a. Nghị lực sống
- b. Tai nạn giao thông
- c. Bàn về câu tục ngữ *Thất bại là mẹ thành công*
- d. Bàn về truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*

4. Vẽ sơ đồ thể hiện dàn ý của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

5. Khi viết bài văn nghị luận về vấn đề đời sống, làm thế nào để lí lẽ, dẫn chứng được chặt chẽ, thuyết phục?

6. Chỉ ra phần cơ sở và kết luận trong các lí lẽ sau:

Lí lẽ 1: Bởi vì không ai có thể tránh khỏi những lầm lạc, cho nên một bàn tay đưa ra để vực ta dậy từ sai lầm, một trái tim bao dung tha thứ sẽ cho ta động lực để sửa sai, từ đó dần hoàn thiện bản thân.

Lí lẽ 2: Bên cạnh đó, sự tha thứ giúp chúng ta buông bỏ thù hận, sự cố chấp và định kiến để từ đó tìm thấy sự bình an, thanh thản trong tâm hồn.

Lí lẽ 3: Thất bại là điều khó tránh khỏi trong cuộc sống, quan trọng là ta phải biết đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã, đối diện với sự thật và rút ra những bài học kinh nghiệm. Do vậy, đừng vì thất bại mà nản chí, mất niềm tin vào bản thân mình và cuộc sống, hãy biến thất bại thành bàn đạp vươn đến thành công.

7. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: *Chuyên mục “Góc nhìn” của tập san trường em phát động cuộc thi viết với chủ đề “Vì một ngôi trường hạnh phúc”. Để tham gia cuộc thi này, em hãy viết bài văn nghị luận khoảng 400 chữ về một vấn đề trong nhà trường mà em quan tâm.*

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Ghi lại những kinh nghiệm của bản thân khi thực hiện bài trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.
2. Trình bày cách thức bảo vệ ý kiến của bản thân trước sự phản bác của người nghe bằng cách hoàn thành bảng sau:

Tâm thế tôi cần chuẩn bị là.....
Để hiểu đúng ý kiến phản bác của người nghe, tôi sẽ nói.....
Để khẳng định lại ý kiến mình đưa ra (khi người nghe hiểu lầm), tôi sẽ nói.....
Tôi phản biện lại những ý kiến chưa hợp lí của người nghe bằng cách nói.....
Tôi ghi nhận và phản hồi những ý kiến phản biện hợp lí bằng cách nói.....

3. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: *Sau khi tổng kết trao thưởng cuộc thi viết “Vì một ngôi trường hạnh phúc”, trường em tổ chức buổi tọa đàm để học sinh trình bày ý kiến về những vấn đề trong nhà trường mà mình quan tâm. Em hãy chuyển bài viết của mình thành bài nói để tham gia buổi tọa đàm.*

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Em hãy đọc lại tri thức về kiểu bài trong SGK, sau đó, trả lời câu hỏi.

2. Để trả lời câu hỏi này, em cần đọc lại kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (bài *Những góc nhìn văn chương*, SGK *Ngữ văn 7*, tập một) đồng thời so sánh với kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống, từ đó, nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai kiểu bài.

Gợi ý trả lời:

	Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống	Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học
Giống	– Thuộc thể văn nghị luận, viết nhằm thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết. – Có yếu tố cơ bản là ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Lí lẽ và bằng chứng cần thuyết phục, làm sáng tỏ ý kiến; cần được sắp xếp theo trình tự hợp lí.	
Khác (về đề tài, ý kiến, lí lẽ, bằng chứng)	– Đề tài về lĩnh vực đời sống: hiện tượng đời sống, tư tưởng đạo lí. – Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng xoay quanh vấn đề đời sống. Lí lẽ là những kiến giải của người viết về vấn đề đời sống. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu,... từ đời sống.	– Đề tài về văn học: là một khía cạnh về nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. – Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng xoay quanh tác phẩm văn học cần phân tích. Lí lẽ là những phân tích, lí giải về tác phẩm. Bằng chứng là những từ ngữ, chi tiết, trích dẫn,... từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ.

3. Đọc lại phần trong box hướng dẫn về kĩ năng đọc được trình bày trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại* và trả lời câu hỏi.

4. Trước tiên, hãy ôn lại thế nào là lí lẽ, bằng chứng, sau đó đọc kĩ đoạn văn để xác định câu nào là lí lẽ, câu nào là bằng chứng.

Gợi ý trả lời:

– Các câu văn thể hiện lí lẽ trong đoạn văn: *Quan trọng hơn cả, tự học còn là một thú vui rất thanh nhả nó nâng cao tâm hồn ta lên. Ta vui vì thấy khả năng của ta đã thăng tiến và ta giúp đời nhiều hơn trước.*

– Các câu văn thể hiện bằng chứng trong đoạn văn: *Một thầy ki, một bác nông phu, bất kì hạng người nào, nếu chịu học hỏi tìm kiếm, cũng có thể cải thiện phương pháp làm việc của mình, và giảng giải những kinh nghiệm của mình cho người khác. Sau cùng, còn gì vui bằng tìm tòi và khám phá: Pát-xơ-tơ (Pasteur), Anh-xơ-tanh (Einstein), hai vợ chồng Kiu-ri (Curie) và hàng trăm nhà bác học khác, suốt đời nghèo nàn mà lúc nào cũng mãn nguyện hơn những vua chúa trên ngai vàng; cả tháng cả năm tự giam trong phòng thí nghiệm, không hề biết những tiêu khiển của người đời mà thấy thời giờ trôi qua vẫn quá mau, là nhờ thú tự học tìm tòi của họ.*

5. Đọc lại khái niệm và đặc điểm của kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống trong mục *Tri thức Ngữ văn* (SGK), sau đó, đọc văn bản và lần lượt trả lời các câu hỏi.

Gợi ý trả lời:

a. Văn bản được viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về việc đổi mới và vượt qua thất bại.

b. Vẽ sơ đồ dàn ý dựa trên những nội dung sau:

– *Ý kiến*: dám đổi mới và đứng lên từ thất bại là một bài học quan trọng cho chúng ta trên đường đời.

– *Lí lẽ*: thất bại là điều khó tránh, nhưng nếu đối diện với thất bại ta sẽ có được kinh nghiệm và vươn đến thành công.

– *Bằng chứng*: Lu-y Pát-xơ-tơ, thất bại nhiều lần nhưng vẫn giữ niềm tin vào khoa học, rút kinh nghiệm và kiên trì, nhờ đó thành công.

c.

– Bằng chứng tác giả nêu ra là một nhân vật nổi tiếng, có nhiều đóng góp, được nhiều người biết đến và thừa nhận, đồng thời cũng là một tấm gương sáng cho việc vươn lên từ thất bại.

– Việc chọn bằng chứng như vậy làm tăng sức thuyết phục cho văn bản, giúp người đọc thêm tin vào bài học vượt lên từ thất bại.

d. Có thể chỉ ra một số đặc điểm như: thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về vấn đề, có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, lí lẽ và bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

đ. Tác giả cho rằng thất bại là “một bước lùi cho ba bước tiến” bởi vì nếu ta dám đổi mới và học hỏi từ thất bại, thì đó chỉ là một “thành công bị trì hoãn” cho ta nhiều kinh nghiệm, từ đó làm nên những thành công lớn lao hơn trong tương lai.

e. Hãy liên hệ với trải nghiệm thực tế của bản thân để trả lời. Có thể nêu một số ý như: học hỏi từ thất bại cho ta kinh nghiệm sống; giúp ta rèn luyện bản lĩnh sống để trưởng thành, cứng cỏi hơn; giúp ta khám phá những tiềm năng của bản thân; giúp ta thấu hiểu những người xung quanh,...

II. TIẾNG VIỆT

1.

a. *trở nên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức*

b.

– *thống nhất; gắn bó*

– *phép liên kết*

2. Em hãy dựa vào phần *Một số biện pháp liên kết trong văn bản* trong SGK (mục *Tri thức Ngữ văn*) để trả lời.

3. Phép lặp từ ngữ: “thất bại”, “kinh nghiệm”, “niềm tin vào bản thân”.

4. Câu c.

5. Phép liên tưởng thể hiện qua các từ: “tác phẩm nghệ thuật”, “nghệ sĩ”.

6. Phép liên kết trong các đoạn văn:

a. *Phép lặp từ ngữ*: “vui”, “ta”.

b. *Phép lặp từ ngữ*: “con người”; *phép thế*: “chúng ta” thay thế cho “con người”; *phép nối*: “nhưng”.

c. *Phép thế*: “thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ” thay thế cho “di sản tinh thần của nhân loại”; *phép lặp từ ngữ*: “thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ”.

III. VIẾT

Để trả lời các câu hỏi từ số 1 đến số 5, em hãy đọc lại tri thức về kiểu bài ở phần *Viết* trong SGK.

1 và 2. Em có thể dựa vào mục *Yêu cầu đối với kiểu bài* trong SGK để trả lời hai câu hỏi này.

3. Câu d.

4. HS dựa vào phần *Hướng dẫn quy trình viết* trong SGK để trả lời.

5. Đề lí lẽ được chặt chẽ, thuyết phục cần nêu được cơ sở và kết luận. Đề bằng chứng được chặt chẽ, thuyết phục cần lựa chọn bằng chứng cụ thể, tiêu biểu, xác thực, cần phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ cho lí lẽ.

6. Cơ sở và kết luận trong các lí lẽ:

Lí lẽ	Cơ sở	Kết luận
Lí lẽ 1	Bởi vì không ai có thể tránh khỏi những lầm lạc.	Cho nên một bàn tay đưa ra để vực ta dậy từ sai lầm, một trái tim bao dung tha thứ sẽ cho ta động lực để sửa sai, từ đó dẫn hoàn thiện bản thân.
Lí lẽ 2	Sự tha thứ giúp chúng ta buông bỏ thù hận, sự cố chấp và định kiến.	Để từ đó tìm thấy sự bình an, thanh thản trong tâm hồn.
Lí lẽ 3	Thất bại là điều khó tránh khỏi trong cuộc sống, quan trọng là ta phải biết đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã, đối diện với sự thật và rút ra những bài học kinh nghiệm.	Do vậy, đừng vì thất bại mà nản chí, mất niềm tin vào bản thân mình và cuộc sống, hãy biến thất bại thành bàn đạp vươn đến thành công.

7. Hướng dẫn thực hiện bài viết:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài, người đọc, mục đích viết

Đề tài ở đây là một vấn đề trong nhà trường mà em quan tâm. Đó có thể là vấn đề tiêu cực như: bạo lực học đường, gian lận trong thi cử, nói chuyện riêng trong giờ học..., hoặc các vấn đề tích cực như: vai trò của nhóm học tập, giải pháp giúp bạn tiến bộ trong học tập, sự cần thiết của việc phát triển văn hoá đọc trong nhà trường,... Chủ đề của cuộc thi là “Vì một ngôi trường hạnh phúc”, do đó đối với các vấn đề tiêu cực, em cần đề xuất cách khắc phục và đề ra các giải pháp thực hiện các vấn đề tích cực.

Mục đích viết của bài này: (1) tham gia một cuộc thi do trường tổ chức; (2) nhằm thuyết phục người đọc về ý kiến của em. Bài tham gia cuộc thi do trường tổ chức có thể được đăng trên tập san, do vậy người đọc bài viết có thể là bạn bè, thầy cô, các cô chú cán bộ, công nhân viên trong nhà trường. Em hãy chọn một đối tượng người đọc mà em muốn hướng đến chủ yếu và chọn cách viết cho phù hợp với đối tượng người đọc và mục đích viết.

Thu thập tư liệu

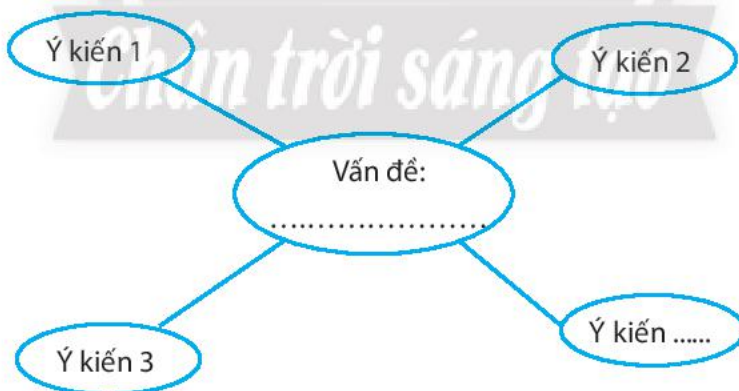
Sau khi xác định được vấn đề mình muốn viết, em hãy tiến hành thu thập tư liệu về vấn đề này. Em có thể thu thập tư liệu dựa vào bảng sau:

STT	Tên bài viết, tác giả	Ý kiến của tác giả	Lí lẽ, bằng chứng đáng lưu ý	Ý kiến của tôi về vấn đề trong bài viết
1	...		...	...
2	...	...	...	...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Em tìm ý bằng cách viết ra những ý kiến của mình về vấn đề cần bàn luận, dựa vào sơ đồ sau:



Sau đó, em chọn ra một ý kiến mình tâm đắc nhất để lập dàn ý.

Lập dàn ý

Em lập dàn ý theo gợi ý sau:

MỞ BÀI	– Vấn đề cần bàn luận: – Ý kiến của tôi về vấn đề đó:
THÂN BÀI	1. Giải thích: 2. Bàn luận: – Khẳng định lại ý kiến: – Lí lẽ 1: – Bằng chứng 1: – Lí lẽ 2: – Bằng chứng 2: 3. Lật lại vấn đề hoặc trao đổi với các ý kiến trái chiều:
KẾT BÀI	– Khẳng định lại vấn đề: – Giải pháp của tôi:

Bước 3: Viết bài

Em tiến hành viết bài. Trước khi viết, em có thể tham khảo phần *Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản* trong SGK.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Sau khi viết, em tự đánh giá lại bài viết của mình dựa vào *Bảng kiểm bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống* (SGK, bài 6).

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Em hãy dựa vào kinh nghiệm thực hiện bài trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống ở trên lớp để trả lời.

2. Đọc lại phần *Hướng dẫn Nói và nghe* trong SGK để trả lời.

3. Hướng dẫn thực hiện đề bài:

Bước 1: Xác định đề tài, thời gian và không gian nói

– Đề tài ở đây chính là đề tài em đã thực hiện trong bài viết.

– Em sẽ trình bày bài nói trong buổi toạ đàm được trường tổ chức, với người nghe là thầy cô, các bạn. Do đó, em cần dự kiến thời gian trình bày cho hợp lí, chuẩn bị cách nói lịch sự, trang trọng, phù hợp với buổi trình bày trước tập thể.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Từ bài viết đã chuẩn bị, em lựa chọn những ý quan trọng trong bài nói của mình, đặc biệt nhấn mạnh đến những ý liên quan đến chủ đề “Vì một ngôi trường hạnh phúc” của buổi toạ đàm.

Lập dàn ý

- Tóm tắt nội dung bài nói thành sơ đồ.
- Tìm hình ảnh, đoạn phim, sơ đồ, bảng biểu phù hợp để tăng sự sinh động cho phần trình bày.
- Dự kiến những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe và có phương án trả lời. Em có thể dựa vào những tư liệu mình tìm được trong phần viết để trả lời.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Luyện tập

Em có thể luyện nói trước gương hoặc luyện nói với các bạn trong nhóm. Khi luyện tập em cần chú ý lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói, dự kiến phần mở đầu và kết thúc hấp dẫn. Em có thể xem lại SGK để nắm vững cách thức bảo vệ ý kiến của bản thân trước sự phản bác của người nghe.

Trình bày

Khi trình bày em nên chú ý đến việc tương tác với người nghe. Cần nhấn mạnh vào thông điệp của bài nói và liên kết nội dung bài nói với chủ đề buổi toạ đàm.

Bước 4: Trao đổi và đánh giá

Trao đổi với các bạn về bài nói của mình. Khi trao đổi cần có thái độ cầu thị, lắng nghe.

Sau đó, trong vai trò người nói và người nghe, em hãy đánh giá bài nói của bản thân và của các bạn khác dựa vào *Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống* (SGK, bài 6).

BÀI TẬP**I. ĐỌC**

1. Trình bày đặc điểm và chức năng của tục ngữ.
2. Em hãy chọn một câu tục ngữ và phân tích số dòng, số chữ, số vế, vần,... trong câu tục ngữ đó.
3. Khi đọc tục ngữ, em nên chú ý điều gì?
4. Câu tục ngữ “Tắc đất tắc vàng” chỉ có bốn chữ. Em hãy tìm thêm các câu tục ngữ khác có số lượng chữ như vậy.
5. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ THỜI TIẾT

1. Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.
2. Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa.
3. Vàng mây thì gió, đỏ mây thì mưa.
4. Tháng Ba mưa đám, tháng Tám mưa cơn.
5. Mưa tháng Bảy gây cảnh trám
Nắng tháng Tám râm trái bưởi.
6. Rét tháng Ba, bà già chết cồng.
7. Tháng Bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.
8. Mồng Đông vòng Tây, chẳng mưa đây cũng bão giạt.

(In trong *Kho tàng tục ngữ người Việt*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên),
NXB Văn hoá Thông tin, 2002; *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Vũ Ngọc Phan,
NXB Văn học, 2016)

- a. Theo em, các câu tục ngữ trên cùng nói về điều gì? Căn cứ vào đâu em biết điều đó?

- b. Điền số chữ, số dòng, số vế của các câu tục ngữ từ số 1 đến số 5 vào bảng sau:

Câu	Số chữ	Số dòng	Số vế
1	8	1	2
2			
3			
4			
5			

- c. Xác định các cặp vần trong các câu tục ngữ và điền vào bảng dưới đây:

Câu	Cặp vần	Loại vần
1	nắng – trắng	vần cách
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		

Nhận xét về tác dụng của vần trong các câu tục ngữ trên.

- d. Bốn câu tục ngữ đầu có gì giống và khác nhau (về nội dung, số dòng, số chữ, số vế, vần,...)?
- đ. Theo em, các câu tục ngữ trên có thể giúp ích gì cho cuộc sống của con người?

6. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Con trâu là đầu cơ nghiệp.
2. Ruộng không phân như thân không của.
3. Chuồng gà hướng Đông cái lông chẳng còn.
4. Được mùa cau, đau mùa lúa.
5. Trồng tre đất sỏi, trồng tỏi đất bồi.
6. Tháng Hai trồng cà, tháng Ba trồng đỗ.
7. Tháng Tám mưa trai, tháng Hai mưa thóc.
8. Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông.
9. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.
10. Làm ruộng không trâu, làm giàu không thóc.
11. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.

(In trong *Kho tàng tục ngữ người Việt*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Văn hoá Thông tin, 2002; *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Vũ Ngọc Phan, NXB Văn học, 2016)

- a. Theo em, các câu tục ngữ trên cùng nói về điều gì?
- b. Xác định số chữ, số dòng, số vế của các câu tục ngữ từ số 3 đến số 11.
- c. Tìm các cặp vần và nhận xét về tác dụng của vần trong các câu tục ngữ trên.
- d. Về mặt hình thức, câu tục ngữ số 11 có gì khác biệt so với các câu tục ngữ còn lại?
- đ. Các câu tục ngữ trên có ý nghĩa gì đối với lao động sản xuất?
- e. Em hãy hình dung một tình huống giao tiếp có thể sử dụng một trong những câu tục ngữ trên. Sau đó, viết một đoạn đối thoại hoặc một đoạn văn về tình huống này với độ dài khoảng 5, 6 câu.

II. TIẾNG VIỆT

1. Tìm và phân tích ví dụ để phân biệt thành ngữ và tục ngữ.
2. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống:
 - a. *Nói quá* là biện pháp..... mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

- b. *Nói giảm nói tránh* là biện pháp dùng cách diễn đạt , tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.
3. Đặt câu với các thành ngữ sau và cho biết các thành ngữ ấy thuộc thành phần nào trong câu:
- vắt chân lên cổ*
 - ruột để ngoài da*
 - ngĩ nát óc*
4. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu tục ngữ sau:
- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.*
 - Một cây làm chẳng nên non*
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
 - Ruộng không phân như thân không của.*
 - Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đống.*
5. Tìm ít nhất một trường hợp tục ngữ hoặc thành ngữ được sử dụng trong sáng tác văn chương.
6. Cách diễn đạt “*Chuông gà hướng Đông cái lông chẳng còn*” có gì đặc biệt? Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu tục ngữ này và nêu tác dụng của biện pháp ấy.
7. Tìm năm thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá hoặc nói giảm nói tránh và phân tích ý nghĩa của chúng:

STT	Thành ngữ	Biện pháp tu từ	Ý nghĩa
1			
2			
3			
4			
5			

8. Trong câu tục ngữ “*Được mùa cau, đau mùa lúa*”, từ “*đau*” được dùng với ý nghĩa nào? Căn cứ nào giúp em biết điều đó?

III. VIẾT

1. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Dàn ý bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- phong phú, xác đáng để giúp người đọc hiểu được vì sao em lại có ý kiến như vậy về vấn đề này.
- Bằng chứng đa dạng, thuyết phục để có thể làm lí lẽ.
- Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một

2. Dòng nào dưới đây không phải là đề tài của bài văn nghị luận về vấn đề đời sống:

- a. Bàn về sự tôn trọng suy nghĩ của người khác.
- b. Bàn về những yếu tố làm nên thành công.
- c. Bàn về bài thơ *Lời của cây*.
- d. Bàn về câu tục ngữ *Không thầy đố mày làm nên*.

3. Vẽ sơ đồ thể hiện quy trình viết một bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

4. Viết bài văn nghị luận khoảng 400 chữ, trình bày suy nghĩ của em về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một trong những phẩm chất tốt đẹp của con người (lòng kiên trì, lòng dũng cảm, lòng hiếu thảo,...).

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Trước khi trao đổi ý kiến về một vấn đề trong đời sống, em và các bạn cần phải chuẩn bị những gì?
2. Ghi lại những kinh nghiệm của bản thân khi trao đổi ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Em cần lưu ý những gì để có thể trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt?
3. Hãy liệt kê một số mẫu câu thường dùng khi tiếp nhận, phản hồi ý kiến của người khác và bảo vệ ý kiến của mình theo bảng sau:

Tiếp nhận, phản hồi ý kiến của người khác và bảo vệ ý kiến của mình	Mẫu câu
Đặt câu hỏi về những vấn đề em chưa rõ.	
Bàn về những vấn đề em thấy chưa hợp lí trong phần chia sẻ của bạn.	
Khích lệ phần trao đổi của bạn.	

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1.

a. *Đặc điểm*: Tục ngữ là một trong những thể loại sáng tác dân gian. Về nội dung, tục ngữ thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội. Về hình thức, tục ngữ có các đặc điểm:

- Thường ngắn gọn (câu ngắn nhất gồm 4 chữ, câu dài có thể trên dưới 16 chữ).
- Có nhịp điệu, hình ảnh.
- Hầu hết đều có vần và thường là vần lưng. Vần lưng trong tục ngữ có thể được gieo ở hai tiếng liền nhau (gọi là “vần sát”) hoặc gieo ở hai tiếng cách nhau (gọi là “vần cách”).
- Thường có hai vế trở lên. Các vế đối xứng nhau cả về hình thức lẫn nội dung.
- Thường đa nghĩa nhờ sử dụng các biện pháp tu từ, nhất là tục ngữ về con người và xã hội.

b. *Chức năng*: Tục ngữ thường được sử dụng chủ yếu nhằm làm tăng thêm độ tin cậy, sức thuyết phục về một nhận thức hay một kinh nghiệm.

2. HS tự chọn một câu tục ngữ và phân tích số dòng, số tiếng, số vế, vần, ... trong câu tục ngữ đó.

3. Khi đọc văn bản theo thể loại tục ngữ, em nên chú ý:

- Xác định số dòng, số chữ, vần, cấu trúc các vế trong các câu tục ngữ.
- Xác định nghĩa của những từ ngữ khó hiểu.
- Chú ý những từ ngữ, hình ảnh độc đáo.
- Tìm và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản (nếu có).

4. Một số câu tục ngữ cũng có bốn chữ: *Ở hiền gặp lành, Uống nước nhớ nguồn, Chó treo mèo dầy,...*

Lưu ý: Tránh chọn nhầm thành ngữ có bốn chữ.

5.

a. HS có thể lập bảng để điền nội dung của các câu tục ngữ như sau:

Câu	Nội dung
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	

Từ đó, HS có thể rút ra kết luận: Các câu tục ngữ trên cùng nói về những kinh nghiệm của dân gian về thời tiết.

b. Điền số chữ, số dòng, số vế của các câu tục ngữ từ 1 đến 5 vào bảng sau:

Câu	Số chữ	Số dòng	Số vế
1	8	1	2
2	8	1	2
3	8	1	2
4	8	1	2
5	12	2	2

c. Xác định các cặp vần trong các câu tục ngữ và điền vào bảng dưới đây:

Câu	Cặp vần	Loại vần
1	<i>nắng – trắng</i>	vần cách
2	<i>ráo – sáo</i>	vần sát
3	<i>gió – đỏ</i>	vần sát
4	<i>đám – Tám</i>	vần cách
5	<i>Bảy – gầy</i> <i>Tám – rám</i>	vần sát
6	<i>Ba – bà</i>	vần sát
7	<i>bò – lo</i>	vần cách
8	<i>Đông – vồng</i> <i>Tây – dây</i>	vần sát vần cách

Tác dụng của vần trong các câu tục ngữ nêu trên: tạo nên sự hài hoà về âm thanh cho các câu tục ngữ.

d. Bốn câu tục ngữ đầu cùng nói đến kinh nghiệm của dân gian về mưa và điều tương tự nhau về số dòng, số chữ, số vế. Tuy nhiên, về cách gieo vần thì có sự khác nhau.

đ. Các câu tục ngữ trên có thể giúp chúng ta dự báo thời tiết bằng cách quan sát các hiện tượng tự nhiên.

6.

a. HS căn cứ vào ý nghĩa của từng câu tục ngữ để có thể rút ra kết luận: các câu tục ngữ trên cùng nói về những kinh nghiệm của dân gian về lao động sản xuất.

b. Xác định số chữ, số dòng, số vế của các câu tục ngữ từ số 3 đến số 11.

Câu	Số chữ	Số dòng	Số vế
3	8	1	2
4	6	1	2
5	8	1	2
6	8	1	2
7	8	1	2
8	8	1	2
9	10	1	2
10	8	1	2
11	8	1	4

c. Xác định các cặp vần và nhận xét về tác dụng của vần trong các câu tục ngữ trên.

Câu	Cặp vần	Loại vần
1	trâu – đầu	vần cách
2	phân – thân	vần cách
3	Đông – lông	vần cách
4	cau – đau	vần sát
5	sỏi – tôi	vần cách
6	cà – Ba	vần cách
7	trai – Hai	vần cách
8	vạng – rạng	vần cách
9	nằm – tầm	vần cách
10	trâu – giàu	vần cách
11	phân – cần	vần cách

d. Câu tục ngữ số 11 có 4 vế, là một phép liệt kê.

đ. Các câu tục ngữ trên giúp người nông dân hiểu thêm giá trị của trâu và của các yếu tố khác trong lao động sản xuất.

e. HS hình dung một tình huống giao tiếp có thể sử dụng một trong những câu tục ngữ trên. Sau đó, viết một đoạn đối thoại hoặc một đoạn văn về tình huống này với độ dài khoảng 5, 6 câu.

II. TIẾNG VIỆT

1. HS tự tìm ví dụ và dựa vào *Tri thức Ngữ văn* trong SGK để làm rõ sự khác biệt giữa thành ngữ và tục ngữ. Em hãy lưu ý: *thành ngữ* là một tập hợp từ cố định, có thể làm thành một bộ phận của câu hay thành phần phụ trong các cụm từ, còn *tục ngữ* là một câu diễn đạt trọn vẹn một ý (một nhận xét, một kinh nghiệm).

2. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống:

a. *Nói quá* là biện pháp phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

b. *Nói giảm nói tránh* là biện pháp dùng cách diễn đạt tế nhị, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

3. HS đặt câu với các thành ngữ và chỉ ra thành ngữ đó thuộc thành phần nào trong câu. Dưới đây là mẫu:

a. Nó // *vắt chân lên cổ* để làm bài mà vẫn không kịp giờ.

Thành ngữ *vắt chân lên cổ* thuộc vị ngữ của câu.

b. Bà ấy // là người *ruột để ngoài da*.

Thành ngữ *ruột để ngoài da* bổ sung ý nghĩa cho “người”, thuộc vị ngữ của câu.

c. Tôi // *ngĩ nát óc* mà vẫn chưa tìm ra cách giải bài toán này.

Thành ngữ *ngĩ nát óc* thuộc vị ngữ của câu.

Lưu ý: Trong các câu trên, kí hiệu // dùng để đánh dấu ranh giới giữa chủ ngữ và vị ngữ.

4.

a. Câu tục ngữ *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo* sử dụng biện pháp *ẩn dụ*: “sóng cả” chỉ “khó khăn, thử thách”; “ngã tay chèo” chỉ ý “buông xuôi, không tiếp tục nữa”.

b. *Một cây làm chẳng nên non*

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Câu tục ngữ trên sử dụng biện pháp *hoán dụ* và *ẩn dụ*. *Hoán dụ*: “một cây” chỉ số ít, “ba cây” chỉ số nhiều. *Ẩn dụ*: “chụm lại” chỉ sự đoàn kết; “non”, “hòn núi cao” chỉ sự thành công.

c. Câu tục ngữ *Ruộng không phân như thân không của* sử dụng biện pháp *so sánh*.

d. Câu tục ngữ *Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng* sử dụng biện pháp *ẩn dụ*: “ăn cơm nằm” chỉ ý “nhàn hạ”, “ăn cơm đứng” chỉ ý “vất vả”.

Tác dụng của các biện pháp tu từ: làm cho cách diễn đạt giàu hình ảnh và biểu cảm.

5. HS tự tìm một trường hợp tục ngữ hoặc thành ngữ được sử dụng trong sáng tác văn chương.

6. *Chuồng gà hướng Đông cái lông chẳng còn* là cách diễn đạt phóng đại quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng. Câu tục ngữ sử dụng biện pháp *nói quá*. Biện pháp này có tác dụng nhấn mạnh tác hại của việc làm chuồng gà hướng Đông là “*cái lông chẳng còn*”, làm tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

7. HS tự làm bài tập dựa theo bảng đã cho.

8. Dựa vào ngữ cảnh, đặc biệt là sự đối lập trong hai vế (*được – đau*), chúng ta có thể xác định từ “đau” trong câu tục ngữ “*Được mùa cau, đau mùa lúa*” được dùng với ý nghĩa “mất, không được (mùa)” dù cho trong từ điển tiếng Việt, từ “đau” không có nghĩa nào như thế.

III. VIẾT

1. *lí lẽ; sáng tỏ; trình tự hợp lí.*

2. Câu c.

3. HS dựa vào phần *Hướng dẫn quy trình viết* trong SGK để trả lời.

4. Em hãy đọc lại bốn bước hướng dẫn thực hiện bài viết trong SGK, sau đó thực hiện bài viết. Khi viết, em cần lưu ý một số điểm sau:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Đề tài yêu cầu trình bày suy nghĩ về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một trong những phẩm chất tốt đẹp của con người (kiên trì, dũng cảm, hiếu thảo,...).

Thu thập tư liệu

Sau khi xác định được vấn đề mình muốn viết, em hãy tiến hành thu thập tư liệu về vấn đề ấy.

Để xác định đúng yêu cầu của đề bài, em có thể:

– Tìm đọc những câu tục ngữ/ danh ngôn trong các tuyển tập tục ngữ/ danh ngôn của các NXB có uy tín.

– Chọn một câu tục ngữ/ danh ngôn mà em tâm đắc bàn về một trong những phẩm chất tốt đẹp của con người (kiên trì, dũng cảm, hiếu thảo,...). Em nên tự đặt ra các câu hỏi và tự trả lời để tìm ra lí do tại sao mình thích câu tục ngữ/ danh ngôn này. Đây là nguồn tư liệu quý giá cho các bước tiếp theo của bài viết.

Em có thể thu thập tư liệu dựa vào bảng sau:

STT	Câu tục ngữ/ danh ngôn	Nội dung	Lí lẽ, bằng chứng đáng lưu ý	Ý kiến của tôi về câu tục ngữ/ danh ngôn
1	...		...	...
2	...	...	...	...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Em tìm ý bằng cách viết ra tất cả các ý tưởng của mình về câu tục ngữ/ danh ngôn, sau đó, em chọn ra những ý kiến mình tâm đắc nhất để lập dàn ý.

Lập dàn ý

Em lập dàn ý theo gợi ý sau:

MỞ BÀI	– Câu tục ngữ/ danh ngôn cần bàn luận: – Ý kiến của tôi về câu tục ngữ/ danh ngôn đó:
THÂN BÀI	1. Giải thích: 2. Bàn luận: – Khẳng định lại ý kiến: – Lí lẽ 1: Bằng chứng 1: – Lí lẽ 2: Bằng chứng 2: 3. Lật lại vấn đề hoặc trao đổi với các ý kiến trái chiều:
KẾT BÀI	– Khẳng định lại vấn đề: – Ý kiến của tôi:

Bước 3: Viết bài

Khi viết bài, em cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Mỗi đoạn văn chỉ nên trình bày một ý. Các ý phải tập trung vào chủ đề là câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống mà em đã chọn.
- Cần sử dụng các từ ngữ có chức năng chuyển ý để tạo ra sự liên kết trong bài văn.
- Có thể sử dụng các câu chuyện từ thực tế, các trích dẫn từ sách, báo hoặc từ những người lớn tuổi, có nhiều kinh nghiệm sống để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Sau khi viết, em hãy dùng *Bảng kiểm bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống* trong SGK để tự đánh giá và điều chỉnh bài viết của mình.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. HS trả lời dựa vào phần *Hướng dẫn Nói và nghe* trong SGK.
2. HS dựa vào kinh nghiệm của bản thân khi trao đổi ý kiến về một vấn đề trong đời sống để trả lời.
3. HS điền các mẫu câu vào bảng sau:

Tiếp nhận, phản hồi ý kiến của người khác và bảo vệ ý kiến của mình	Mẫu câu
Đặt câu hỏi về những vấn đề em chưa rõ	<i>– Có phải ý bạn là... – Bạn có thể nhắc lại câu hỏi không? – ...</i>
Bàn về những vấn đề em thấy chưa hợp lí trong phần chia sẻ của bạn	<i>– Ý kiến của bạn về vấn đề này khá thú vị nhưng tôi nghĩ có một số chỗ chưa hợp lí... – Tôi nghĩ bạn không sai nhưng... – ...</i>
Khích lệ phần trao đổi của bạn	<i>– Cảm ơn phần trao đổi của bạn. Tôi nghĩ ý kiến của bạn rất thú vị. – Mặc dù ý kiến của chúng ta không giống nhau nhưng tôi rất thích phần chia sẻ của bạn. – ...</i>

NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VIỆT (Văn bản thông tin)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Nối thông tin (cột A) với thông tin tương ứng (cột B) để xác định cấu trúc của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

A (Cụm từ)	B (Nội dung giải thích)
1. Phần 1	a. Trình bày các bước cần thực hiện: đối với trò chơi đó là quy tắc, luật lệ, hướng dẫn cách chơi; đối với các hoạt động khác đó là thứ tự các bước thực hiện hoạt động.
2. Phần 2	b. Giới thiệu mục đích của quy trình thực hiện trò chơi hay hoạt động bằng một đoạn văn hoặc nhan đề bài viết (tên quy trình).
3. Phần 3	c. Liệt kê những gì cần chuẩn bị trước khi thực hiện trò chơi hay hoạt động.

2. Trình bày một số đặc điểm về hình thức của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
3. Đọc lại văn bản *Trò chơi cướp cờ* trong SGK *Ngữ văn 7*, tập hai, (tr. 45 – 46) và trả lời các câu hỏi sau:
- Cấu trúc của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động được thể hiện như thế nào trong văn bản?
 - Xác định đặc điểm hình thức của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động được thể hiện trong đoạn văn sau:

Tiếp theo, trọng tài điều khiển cuộc chơi đứng giữa sân, hô to số thứ tự nào thì người chơi có số thứ tự đó của mỗi đội cùng chạy thật nhanh

lên vị trí cầm cây cờ ở giữa sân, lừa thế xô qua, đẩy lại để tìm cách giật cho được cây cờ. Người chơi nào cướp được cây cờ thì chạy nhanh về đội mình, còn người của đội kia sẽ tìm cách chặn để cướp lại cây cờ bằng cách đập (vỗ) vào người chạy cầm cờ. Người cầm cờ bị đập (vỗ) phải bỏ cờ xuống đất và người kia cướp cây cờ chạy về đội của mình. Cuộc rượt đuổi cứ thế tiếp tục, cho đến khi người chơi nào về đến đội của mình với cây cờ trên tay là thắng cuộc và được tính điểm.

4. Đọc lại văn bản *Cách gọt củ hoa thủy tiên* trong SGK Ngữ văn 7, tập hai (tr. 47 – 51) và trả lời các câu hỏi sau:

- Vì sao người chơi thủy tiên nên gọt tía củ hoa?
- Em hiểu như thế nào về câu nói của nghệ nhân Nguyễn Phú Cường ở cuối văn bản: “cái đẹp nhất của thủy tiên, chính là cái đẹp khi người ta chăm hoa, để rồi rèn tâm tính của chính mình”?
- Xác định tác dụng của (các) biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau:

Tầm dáng hoa cao hay thấp, phải tạo nên một bộ cục tổng thể hài hoà mới đẹp. Và yêu cầu quan trọng là bông hoa không được ngửa lên. Giò hoa vươn lên, nhưng bông hoa phải hơi cúi xuống, như thiếu nữ đầu đẹp kiêu sa, vẫn phải có nét e lệ. Đấy mới là cái đẹp Á Đông. Nếu bông hoa nghênh mặt lên thì lại hoá ra kênh kiệu. Cái lí của người chơi hoa thủy tiên là thế.

- Xác định các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau:

(1) Bát thủy tiên được coi là đẹp, nếu đạt được “ngũ phẩm”: đẹp hoa, đẹp lá, đẹp rễ, đẹp thân và tổng thể dáng thế hài hoà. (2) Vì vậy, gọt xong rồi, hằng ngày phải chỉnh lá, chỉnh hoa sao cho tạo nên bộ cục đẹp. (3) Nếu muốn chỉnh lá, phải đợi thời điểm để “nắn” nhất là khoảng bảy, tám ngày sau khi gọt. (4) Theo nghệ nhân Nguyễn Phú Cường, đấy là lúc chiếc lá “ngoa” nhất. Khi ấy lá đã xanh tốt, khoẻ, dùng tay uốn thử thấy mềm mại, không giòn thì có thể tạo dáng lá uốn lượn theo ý đồ người chơi. Bộ rễ của bát thủy tiên phải trắng ngắn. Dù bộ cục thế nào, thì bộ rễ vẫn phải được phô ra vẻ đẹp.

5. Đọc lại văn bản *Hương khúc* trong SGK Ngữ văn 7, tập hai (tr. 52 – 53) và thực hiện các yêu cầu:

- a. Tóm tắt các bước làm bánh khúc theo mô tả của tác giả trong đoạn trích.
- b. Em hình dung như thế nào về hình ảnh người bà trong hồi tưởng của tác giả?

6. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÁCH LÀM GỎI CUỐN TÔM THỊT

Gỏi cuốn là món ăn được nhiều người ưa thích. Một miếng gỏi cuốn hoà phối trong nó vị dai của bánh tráng, vị béo của thịt lẫn với vị ngọt của tôm, thêm một chút mặn mà của nước chấm, cái mát lạnh, thơm thơm của rau sống; tất cả làm dậy lên các cung bậc vị giác. Chẳng cần nhiều thời gian để thực hiện, nơi sang trọng để ăn hay dẫn đồ về giá cả, ai cũng có thể thưởng thức món ăn ngon, bổ, rẻ và hấp dẫn này.

Gỏi cuốn thường là món khai vị¹, món ăn chơi. Một trong những lí do khiến gỏi cuốn hấp dẫn thực khách chính là ở sự tươi ngon của món ăn. Bánh tráng, cái bao ngoài để gói các nguyên liệu, là thứ không thể thiếu của món ăn này. Nhân của cuốn có thể là cá, thịt, rau nhưng phổ biến hơn cả là thịt heo luộc, tôm luộc, bún tươi, miếng dưa leo thái mỏng, cọng hẹ², cà rốt ngâm giấm hoặc xoài xanh cắt sợi, rau thơm, xà lách,... Tất cả những thứ ấy được cuộn vào nhau, tạo nên những sắc màu đa dạng, hấp dẫn: màu trắng của tấm áo bánh tráng mỏng; màu xanh của lá hẹ, dưa leo, rau sống; màu đỏ gạch của tôm,... Điểm đặc biệt của gỏi cuốn là các nguyên liệu đều không qua xử lí dầu mỡ và sử dụng rất nhiều rau xanh. Do đó, gỏi cuốn thật sự là một món ăn ngon, lành và tốt cho sức khoẻ.

Sự thú vị của gỏi cuốn còn ở cách ăn. Người ăn có thể vừa cuốn vừa ăn, nhờ đó họ được tuỳ ý chọn loại nhân mình thích và gia giảm cho vừa với nhu cầu, khẩu vị³ riêng.

Vì thế đây là món ăn rất đáng trải nghiệm! Cách thực hiện cũng hết sức đơn giản.

¹ *Món khai vị*: là món ăn có tác dụng kích thích vị giác, làm cho bữa ăn trở nên ngon miệng hơn.

² *Hẹ*: cây cùng họ với hành, lá dẹt và dài, thường dùng để ăn hoặc làm thuốc.

³ *Khẩu vị*: sở thích về ăn uống, thường là với một số món ăn nhất định nào đó.

Nguyên liệu cần chuẩn bị

- 500g tôm (chọn tôm tươi ngon).
- 700g thịt ba chỉ¹ hoặc thịt đùi (chọn miếng thịt đỏ tươi, ít mỡ).
- 1 xấp bánh tráng.
- 500g bún tươi.
- Xà lách, rau sống, rau thơm, hẹ.
- 100g tương hột xay.
- Đồ chua, lạc² rang giã nhuyễn.
- Đường cát trắng, giấm, tỏi băm, củ hành khô, dầu ăn.

Cách làm món gỏi cuốn tôm thịt

Bước thứ nhất: Sơ chế³ rau

Rửa sạch rau sống, rau thơm, hẹ, ... ngâm qua với nước muối pha loãng và sau đó vớt lên để ráo nước.

Bước thứ hai: Chuẩn bị tôm

Tôm rửa sạch, ướp với nửa muống cà phê muối, nửa muống canh rượu, một muống cà phê đường để tôm đậm đà hơn và không bị hôi, tanh. Bắc nồi lên bếp, sau đó đun sôi, luộc cho tôm chuyển sang màu đỏ và dùng quây đảo đều. Tiếp theo, vớt tôm ra rửa để ráo rồi lột vỏ, xẻ đôi tôm và bỏ chỉ lưng⁴ của tôm, xếp vào đĩa.

¹ *Thịt ba chỉ*: còn gọi là thịt ba rọi, là phần thịt lợn ở vùng bụng, có ba thớ nạc xen với mỡ.

² *Lạc*: đậu phộng.

³ *Sơ chế*: trong nấu ăn, đây là giai đoạn quan trọng giúp món ăn ngon hơn và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Ở giai đoạn này, nguyên liệu ban đầu được chế biến sơ qua thành dạng bán thành phẩm để chuẩn bị cho giai đoạn chế biến chính.

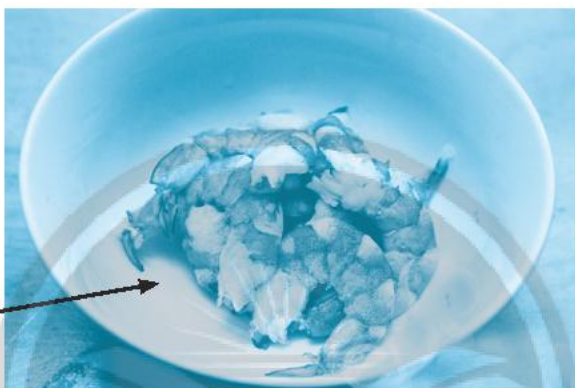
⁴ *Chỉ lưng*: trong trường hợp này là đường có màu đen hoặc trắng, nó nằm sát lưng tôm và là đường tiêu hoá của tôm.

Chỉ lưng tôm



(Hình minh hoạ: suckhoegiadinh.com.vn)

Tôm sau khi
đã lột vỏ, xẻ
đôi và bỏ
chỉ lưng



(Hình minh hoạ: eva.vn)

Bước thứ ba: Chuẩn bị thịt

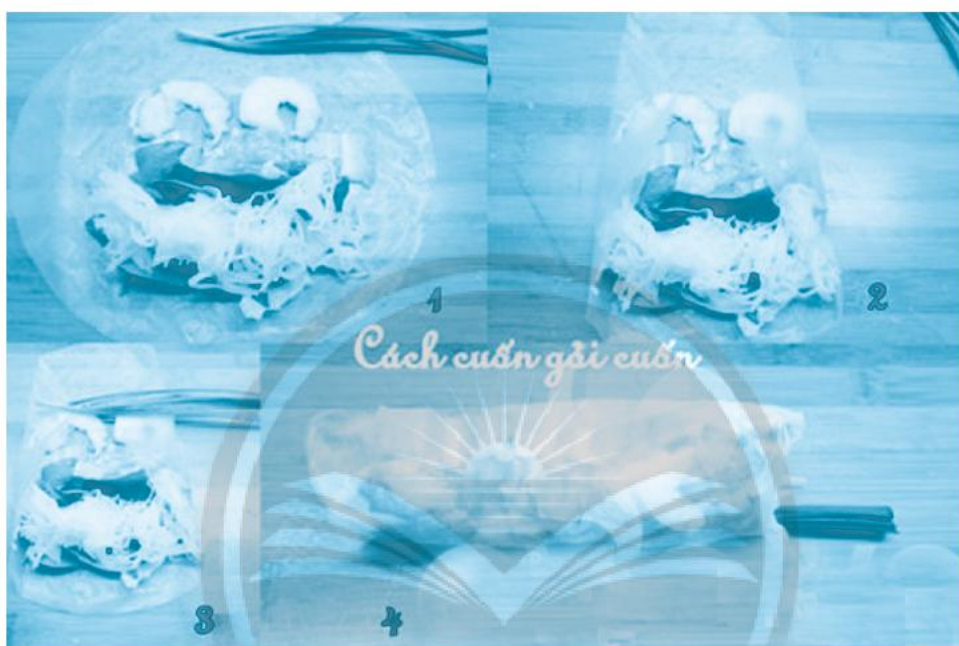
Rửa sạch thịt, sau đó đun sôi nồi nước, thả vào nồi một củ hành đập dập và cho thịt vào luộc khoảng hai mươi phút. Khi thịt chín, vớt ra để vào một bát nước có vài viên đá lạnh để thịt trắng và giòn, ngon. Sau đó thái thịt thành lát mỏng cho vào đĩa.



(Hình minh hoạ: eva.vn)

Bước thứ tư: Chuẩn bị cuộn

Bày bánh tráng và các nguyên liệu ra bàn để chuẩn bị cuộn. Trước khi cuộn, cần làm ướt bánh tráng. Tiếp theo, lần lượt xếp xà lách, bún, thịt, tôm, cùng với cộng hệ, rau thơm rồi cuộn cho chắc tay. Gỏi cuộn đẹp và ngon là miếng gỏi tròn, đều, rau, bún, tôm, thịt được cuộn chặt bên trong và nổi rõ qua lớp bánh tráng mỏng.



Cách cuộn gỏi cuộn
Chân trời sáng tạo
(Hình minh hoạ: eva.vn)

Bước thứ năm: Làm nước chấm

Cái ngon của gỏi cuộn phụ thuộc nhiều vào nước chấm. Có nhiều loại nước chấm: nước tương đen, mắm nêm pha tỏi ớt,... Tuy nhiên nước chấm gỏi cuộn phổ biến nhất vẫn là tương hột xay nhuyễn pha tỏi, ớt, chút đường, muối, bột ngọt cho vừa ăn, thêm đậu phộng rang giã dập cho giòn, cho béo. Để làm loại nước chấm này, trước tiên, cần phi thơm một ít tỏi bằng dầu ăn, sau đó cho tương hột xay vào xào, cho đậu phộng rang giã nhuyễn, nêm một chút đường cho bớt mặn và vừa ăn. Đun hỗn hợp đến khi sánh lại thì cho một ít giấm (khoảng một đến nửa muỗng cà phê) vào đảo đều và tắt bếp.

Gỏi cuốn tôm thịt là món ngon có đầy đủ chất dinh dưỡng lại rất dễ ăn nên thích hợp với mọi lứa tuổi. Bạn hãy thử trải nghiệm một lần làm món gỏi cuốn tôm thịt cùng gia đình. Chậm rãi cuốn từng cái một, thể hiện sự khéo léo của đôi tay, khả năng thẩm mỹ để tạo ra những cái cuốn vừa ngon, vừa đẹp cùng với những câu chuyện rôm rả bên bàn ăn, cảm nhận niềm hạnh phúc giản dị của cuộc sống. Chúc bạn thành công!

(Tổng hợp từ các trang: vietnamnet.vn, dantri.vn, vtr.org.vn)

- Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên là văn bản thông tin mô tả quy trình?
- Xác định thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin của đoạn văn “Gỏi cuốn thường là món khai vị, món ăn chơi,... Do đó, gỏi cuốn thật sự là một món ăn ngon, lành và tốt cho sức khỏe.”. Cách triển khai thông tin trong đoạn văn này có tác dụng như thế nào với mục đích của văn bản?
- Mục đích của văn bản này là gì? Cách triển khai thông tin chính của văn bản có quan hệ như thế nào với mục đích của văn bản? Dựa vào đâu mà em xác định được như vậy?
- Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản này là gì? Chỉ ra tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung văn bản.
- Vẽ sơ đồ tóm tắt các bước làm món gỏi cuốn tôm thịt.
- Qua việc đọc văn bản, đặc biệt là đoạn cuối, em hiểu thế nào là một món ăn ngon?

7. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÁCH LÀM LỒNG ĐÈN TRÒN BẰNG GIẤY CHO ĐÊM TRUNG THU

Thành Luân tổng hợp

Trung thu đang đến gần, hãy bắt tay vào làm ngay những chiếc lồng đèn xinh xắn từ giấy bìa với nhiều màu sắc rực rỡ, bắt mắt. Bên cạnh những mẫu lồng đèn ngôi sao, lồng đèn bướm bướm truyền thống bằng tre nứa hay lồng đèn bằng lon sữa bò,... thì cách làm lồng đèn giấy cũng được nhiều người ưa chuộng và thực hiện.

Vật liệu dễ kiếm, cách làm đơn giản, sản phẩm cũng vô cùng đẹp mắt. Hơn nữa, với những chiếc lồng đèn bằng giấy này, bạn còn có thể dùng để trang trí phòng sao cho thật nổi bật và cá tính, hoặc có thể gấp gọn để dùng cho những

mùa tết Trung thu năm sau. Đó đều là những ý tưởng tuyệt vời về cách dùng lồng đèn tròn giấy.

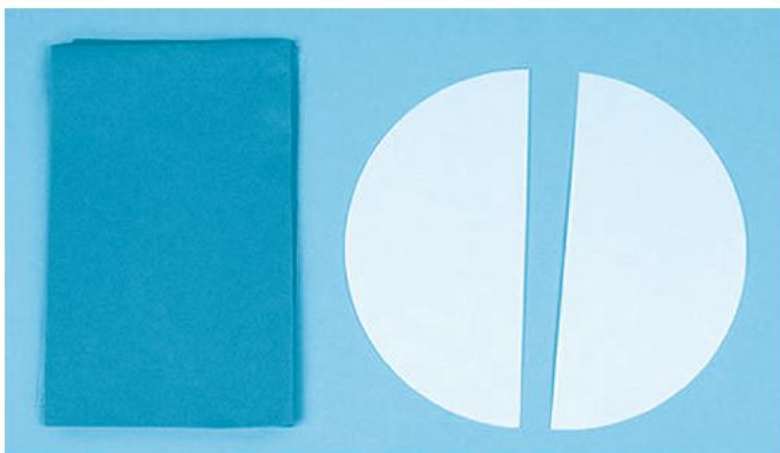


Vật liệu cần chuẩn bị

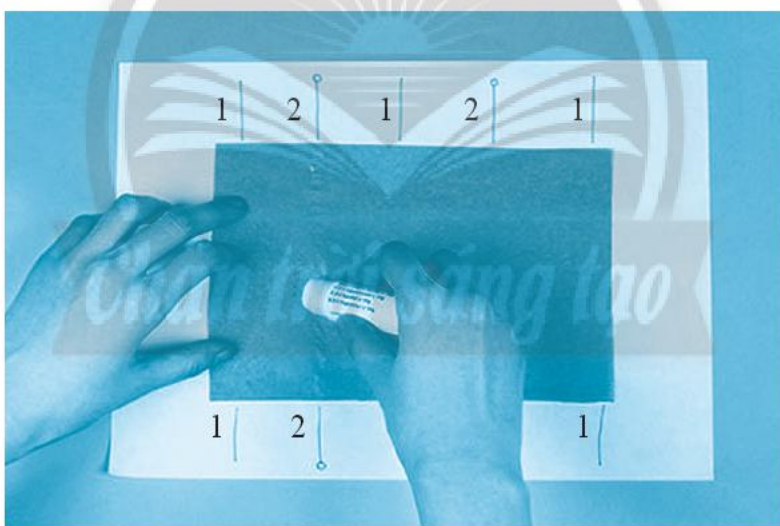
- Giấy màu loại mỏng.
- 1 tờ giấy bìa cứng.
- 1 tờ giấy trắng.
- 2 cây bút màu.
- Kim, chỉ, kéo, keo dán.

Cách làm lồng đèn giấy nhiều màu

Bước thứ nhất: Dùng bìa cứng cắt hình tròn có kích cỡ ứng với chiếc lồng đèn bạn mong muốn, cắt thành hai nửa bằng nhau. Sau đó, bạn cắt thêm 40 đến 50 lớp giấy ăn hình chữ nhật có kích cỡ lớn hơn một chút so với nửa miếng bìa tròn.

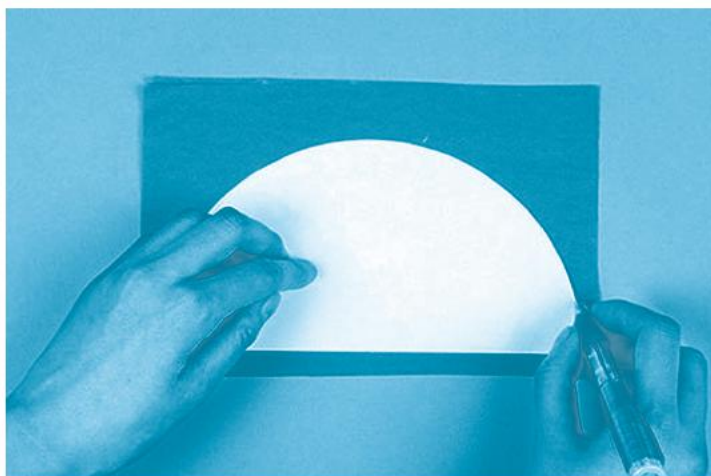


Bước thứ hai: Dùng miếng giấy màu hình chữ nhật đặt lên tờ giấy trắng, rồi đánh dấu lên tờ giấy trắng năm đường thẳng xen kẽ bởi hai loại bút khác màu. Sau đó, bạn sử dụng keo dán phết dọc theo đường màu hồng (được đánh số 2) với lớp giấy ăn đầu tiên. Đặt lớp giấy ăn thứ hai lên trên và phết keo theo đường màu xanh (được đánh số 1).



Lặp lại bước trên với các lớp giấy chồng lên nhau. Đặc biệt, để lồng đèn có màu sắc sắc sỡ, bắt mắt hơn, với khoảng năm miếng giấy thì bạn thay đổi xen kẽ lớp giấy màu khác.

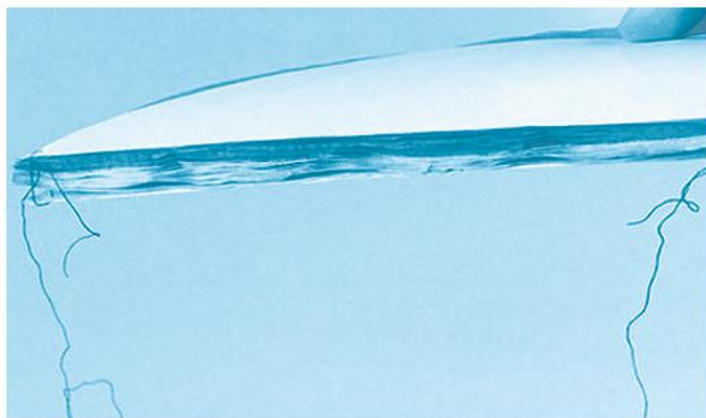
Bước thứ ba: Sau khi đã hoàn thành thao tác dán các lớp giấy chồng lên nhau, bạn đặt nửa miếng bìa tròn lên rồi dùng bút màu đánh dấu xung quanh miếng bìa. Sau đó cắt miếng giấy thành hình bán nguyệt theo đường đã vẽ.



Tiếp tục dán miếng bìa vào một mặt của miếng giấy màu. Ở miếng bìa còn lại, khoét một phần ở giữa rồi dán vào mặt còn lại của miếng giấy màu.



Bạn sử dụng chỉ khâu hai đầu miếng giấy, buộc hơi lỏng và chừa một đoạn chỉ để treo đèn lồng.



Cuối cùng, bạn chỉ cần mở miếng giấy ra và nhận thành quả bất ngờ.



Với cách làm trên, bạn có thể khéo léo phối hợp nhiều màu sắc khác nhau để tạo ra những chiếc đèn lồng rực rỡ, mang cá tính riêng của mình.

(Theo vietnamnet.vn, truy cập ngày 29/12/2021)

- Văn bản trên có phải là văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động không? Vì sao em có thể xác định được như vậy?
- Những đề mục như “Bước 1, Bước 2, Bước 3” cung cấp thông tin gì cho người đọc?
- Có thể bỏ những hình ảnh có trong văn bản này không? Vì sao?
- Hãy tự làm một chiếc đèn lồng tròn bằng giấy theo hướng dẫn của văn bản và mang đến lớp để trưng bày cùng với sản phẩm của các bạn khác.

II. TIẾNG VIỆT

1. Hoàn thành những thông tin về **số từ** trong bảng sau:

Số từ	Những thông tin cần lưu ý
Vị trí trong câu	
Chức năng	
Lưu ý khi sử dụng trong giao tiếp	

2. Tìm số từ trong các câu sau và xác định chức năng của chúng:

- a. Rửa sạch thịt, sau đó đun sôi nồi nước, thả vào nồi một củ hành đập dập và cho thịt vào luộc khoảng hai mươi phút.

(Cách làm gói cuốn tôm thịt)

- b. Tôm rửa sạch, ướp với nửa muỗng cà phê muối, nửa muỗng canh rượu, một muỗng cà phê đường để tôm đậm đà hơn và không bị hôi, tanh.

(Cách làm gói cuốn tôm thịt)

- c. Bước thứ nhất: Sơ chế nguyên liệu. Rửa sạch rau sống, rau thơm, hẹ..., ngâm qua với nước muối pha loãng và sau đó vớt lên để ráo nước.

(Cách làm gói cuốn tôm thịt)

- d. Nhưng có lẽ là tôi không thể nào bỏ đi cho dù là một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc và ngây thơm làm vỏ dính trên chiếc bánh được.

(Nguyễn Quang Thiều, Tôi khóc những cánh đồng rau khúc)

- đ. Đặt lớp giấy ăn thứ hai lên trên và phết keo theo đường màu xanh.

(Thành Luân, Cách làm lồng đèn tròn bằng giấy cho đêm trung thu)

- e. Đặc biệt, để lồng đèn có màu sắc sắc sỡ, bắt mắt hơn, với khoảng năm miếng giấy thì bạn thay đổi xen kẽ lớp giấy màu khác.

(Thành Luân, Cách làm lồng đèn tròn bằng giấy cho đêm trung thu)

III. VIẾT

1. Khi viết một bản tường trình, em cần lưu ý điều gì?
2. Giả sử em và một số bạn chạy nhảy, đùa giỡn trên cầu thang trong giờ ra chơi và không may một bạn bị ngã. Em hãy viết bản tường trình về những việc đã xảy ra để gửi cho hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm.

IV. NÓI VÀ NGHE

Trao đổi với các bạn trong nhóm/ lớp về chủ đề sau: “Thế nào là một người bạn tốt?”. Khi trao đổi, em cần chú ý lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. 1b, 2c, 3a.

2. Đọc lại mục *Tri thức Ngữ văn* và trả lời câu hỏi.

3.

a. Cấu trúc của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động được thể hiện trong văn bản:

- Phần a: giới thiệu mục đích của trò chơi hay hoạt động.
- Phần b: trình bày những thứ cần chuẩn bị trước khi thực hiện trò chơi hay hoạt động.
- Phần c: trình bày cách thức thực hiện trò chơi hay hoạt động.

b. Đặc điểm hình thức của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động được thể hiện trong đoạn văn:

- Từ ngữ chỉ thời gian: *tiếp theo*.
- Từ ngữ miêu tả chi tiết cách thức hành động: *chạy thật nhanh*.
- Thuật ngữ: *trọng tài*.
- Câu chứa nhiều động từ: ví dụ *Người chơi nào cướp được cây cờ thì chạy thật nhanh về đội mình, còn người của đội kia sẽ tìm cách chặn để cướp lại cây cờ bằng cách đập (vỗ) vào người chạy cầm cờ*.

4.

a. Theo đà phát triển tự nhiên, lá và hoa thủy tiên sẽ mọc thẳng, đặc biệt là lá sẽ mọc cao và che lấp hoa, vì vậy việc gọt tỉa sẽ tạo ra những chậu hoa có hình dáng đẹp, nghệ thuật và có thể điều chỉnh thời điểm ra hoa theo ý muốn.

b. HS có thể trình bày câu trả lời theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần căn cứ vào nội dung của văn bản. Có thể tham khảo câu trả lời gợi ý sau: Việc gọt tỉa từng củ thủy tiên thể hiện sự tỉ mỉ, cẩn trọng, khéo léo và cả sự kiên nhẫn của người chơi. Vì vậy để có được một bát thủy tiên đẹp, người chơi cần thể hiện được tất cả các yếu tố ấy, nhờ vậy họ có thể rèn tâm tính của chính mình.

c. Những biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn: nhân hoá (*bông hoa phải hơi cúi xuống, nếu bông hoa ngẩng mặt lên thì lại hoá ra kênh kiệu*), so sánh (*Giò hoa viron lên, nhưng bông hoa phải hơi cúi xuống, như thiếu nữ đầu đẹp kiều sa, vẫn phải có nét e lệ*). Tác dụng của những biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn: giúp cho việc miêu tả trở nên sinh động, cụ thể, gợi tả và gợi cảm.

d. Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn:

– Phép nối: (1) *Bát thủy tiên được coi là đẹp, nếu đạt được “ngũ phẩm”*: đẹp hoa, đẹp lá, đẹp rễ, đẹp thân và tổng thể dáng thế hài hoà. (2) *Vì vậy, gọt xong rồi, hằng ngày phải chỉnh lá, chỉnh hoa sao cho tạo nên bố cục đẹp.*

– Phép thế:

+ (1) *Bát thủy tiên được coi là đẹp, nếu đạt được “ngũ phẩm”*: đẹp hoa, đẹp lá, đẹp rễ, đẹp thân và tổng thể dáng thế hài hoà. (2) *Vì vậy, gọt xong rồi, hằng ngày phải chỉnh lá, chỉnh hoa sao cho tạo nên bố cục đẹp*

+ (3) *Nếu muốn chỉnh lá, phải đợi thời điểm để “nắn” nhất là khoảng bảy, tám ngày sau khi gọt.* (4) *Theo nghệ nhân Nguyễn Phú Cường, đây là lúc chiếc lá “ngoan” nhất. Khi ấy lá đã xanh tốt, khoẻ ...*

– Phép lặp: (2) *Vì vậy, gọt xong rồi, hằng ngày phải chỉnh lá, chỉnh hoa sao cho tạo nên bố cục đẹp.* (3) *Nếu muốn chỉnh lá, phải đợi thời điểm để “nắn” nhất là khoảng bảy, tám ngày sau khi gọt.*

+ Phép liên tưởng: hoa, lá, rễ.

5.

a. HS đọc văn bản và tự thực hiện.

b. Hình ảnh người bà trong hồi tưởng của tác giả là một người bà rất khéo léo, tinh tế trong việc chế biến từng chiếc bánh khúc và đầy tình yêu thương dành cho cháu,...

6.

a. Những dấu hiệu cho thấy văn bản *Cách làm gỏi cuốn tôm thịt* là văn bản mô tả quy trình: a) văn bản có cấu trúc gồm 3 phần: giới thiệu mục đích của quy trình, liệt kê những thứ cần chuẩn bị trước khi thực hiện, trình bày các bước thực hiện; (b) sử dụng những từ ngữ chỉ trình tự thực hiện như *bước thứ nhất, bước thứ hai, bước thứ ba, trước khi, sau đó, tiếp theo,...*; (c) sử dụng một số thuật ngữ liên quan đến nấu ăn như *món khai vị, sơ chế nguyên liệu...*, sử dụng câu chứa nhiều động từ, sử dụng từ xưng hô ngôi thứ hai (*bạn*) để chỉ người đọc; (d) sử dụng hệ thống đề mục để tóm tắt những thông tin chính của văn bản; (e) có sử dụng hình ảnh minh họa cách thức thực hiện.

b. Thông tin cơ bản của đoạn văn là ưu điểm của món gỏi cuốn, cách triển khai thông tin của đoạn văn này là triển khai theo mối quan hệ nhân quả. Việc triển khai thông tin theo cách ấy giúp cho người đọc hiểu hơn về ưu điểm vượt trội của món ăn và từ đó khuyến khích họ chủ động thực hiện món ăn theo sự hướng dẫn của văn bản.

c. Mục đích của văn bản là hướng dẫn cách làm món gỏi cuốn tôm thịt. Thông tin chính của văn bản được triển khai theo trật tự thời gian tức là trật tự thực hiện các thao tác của hoạt động làm gỏi cuốn tôm thịt. Cách triển khai thông tin này hỗ trợ cho việc thực hiện mục đích của văn bản vì với cách triển khai ấy, người đọc sẽ hình dung rõ ràng, cụ thể tuần tự từng bước cần thực hiện trong hoạt động, nhờ đó họ có thể làm tốt hoạt động ấy.

d. Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản này là các hình ảnh minh họa. Những hình ảnh ấy đã tăng tính trực quan cho thông tin của văn bản, kết hợp với thông tin trong văn bản giúp người đọc hình dung rõ về các bước cần thực hiện trong hoạt động làm gỏi cuốn tôm thịt.

đ. HS đọc văn bản và tự thực hiện.

e. Gợi ý trả lời: Món ăn ngon không chỉ là một món ăn giàu chất dinh dưỡng mà còn là một món ăn đẹp mắt, được bài trí như một tác phẩm nghệ thuật, nó thể hiện được sự khéo léo, gia công của người đầu bếp, đồng thời đó còn là món ăn tạo nên sự gắn kết, sẻ chia, nồng ấm giữa mọi người với nhau,...

7.

a. HS có thể dựa trên tri thức Ngữ văn về đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động để xác định.

b. Những đề mục ấy cung cấp thông tin về quy trình thực hiện các bước làm lồng đèn tròn bằng giấy. Hệ thống các đề mục ấy cung cấp thông tin chính của VB: cho biết quy trình làm lồng đèn tròn bằng giấy cần trải qua 3 bước.

c. Không thể xoá bỏ những hình ảnh có trong văn bản này vì chúng hỗ trợ minh hoạ cho thông tin hướng dẫn cách thức làm lồng đèn tròn bằng giấy. Nếu xoá bỏ những hình ảnh ấy, người đọc không thể hình dung và hiểu rõ những điều được mô tả, trình bày trong văn bản.

d. HS đọc văn bản và tự thực hiện.

II. TIẾNG VIỆT

1. Hoàn thành những thông tin về **số từ** trong bảng sau:

Số từ	Những thông tin cần lưu ý
Vị trí trong câu	Có thể đi kèm trước hoặc sau danh từ.
Chức năng	– Nếu đứng trước danh từ, số từ biểu thị số lượng chính xác hoặc ước chừng cho sự vật được nêu ra ở danh từ. – Nếu đứng sau danh từ, số từ biểu thị số thứ tự của danh từ.
Lưu ý khi sử dụng trong giao tiếp	– Khi nói và viết, có thể dùng số từ ở trước hoặc sau danh từ để bổ sung ý nghĩa về số lượng hoặc số thứ tự cho danh từ. Đó cũng là cách mở rộng thành phần câu, làm cho thông tin của câu trở nên rõ ràng, cụ thể và chi tiết. – Khi đọc và nghe, cần chú ý đến sự xuất hiện của các số từ ở trước hoặc sau danh từ để biết được số lượng hoặc số thứ tự của sự vật, đối tượng.

2.

Câu	Số từ	Ý nghĩa bổ sung cho danh từ
a	<i>một</i> <i>hai mươi</i>	Bổ sung ý nghĩa số lượng chính xác cho danh từ <i>củ</i> . Bổ sung ý nghĩa số lượng chính xác cho danh từ <i>phút</i> .
b	<i>một</i>	Bổ sung ý nghĩa số lượng chính xác cho danh từ <i>muỗng</i> .
c	<i>nhất</i>	Bổ sung ý nghĩa số thứ tự cho danh từ <i>thứ</i> .
d	<i>một</i>	Bổ sung ý nghĩa số lượng chính xác cho danh từ <i>hạt</i> .
đ	<i>hai</i>	Bổ sung ý nghĩa số thứ tự cho danh từ <i>thứ</i> .
e	<i>năm</i>	Bổ sung ý nghĩa số lượng chính xác cho danh từ <i>miếng</i> .

III. VIẾT

1. HS đọc lại những yêu cầu đối với kiểu văn bản (SGK *Ngữ văn 7*, tập 2, tr.58 – 59) và hướng dẫn quy trình viết (SGK *Ngữ văn 7*, tập 2, tr.60 – 62) để trả lời câu hỏi. HS cũng có thể đưa ra những lưu ý dựa trên kinh nghiệm các em rút ra được từ quá trình thực hành viết kiểu văn bản này trên lớp.

2. HS có thể tự thực hiện bài viết theo các bước gợi ý trong SGK *Ngữ văn 7*, tập hai, tr. 60 – 61.

Gợi ý trả lời:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

– Xác định đề tài bằng cách trả lời những câu hỏi như: Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? Kiểu bài nào?

– Thu thập tư liệu bằng cách xác định những thông tin cần tìm và tìm những thông tin ấy ở đâu.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách xác định những thông tin sẽ triển khai trong bản tường trình.

– Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý theo trình tự bố cục của một bản tường trình gồm *phần mở đầu*, *nội dung tường trình*, *phần kết thúc*.

Bước 3: Viết bản tường trình

Dựa vào dàn ý, hãy viết thành một bản tường trình hoàn chỉnh. Khi viết, cần bảo đảm các yêu cầu đối với một bản tường trình.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Dựa vào bảng kiểm trong SGK *Ngữ văn 7*, tập hai (tr. 61 – 62) để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.

IV. NÓI VÀ NGHE

HS thực hiện bài nói và nghe theo trình tự các bước gợi ý sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Chuẩn bị nội dung trao đổi.
- Chuẩn bị cách trao đổi.

Bước 2: Trao đổi

- Trình bày ý kiến.
- Tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người khác, bảo vệ ý kiến của mình.



BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Trình bày những đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng dựa trên bảng tóm tắt dưới đây:

	Đặc điểm
Đề tài	
Cốt truyện	
Tình huống	
Sự kiện	
Nhân vật	
Không gian, thời gian	

2. Khi đọc truyện khoa học viễn tưởng, em nên chú ý những điều gì?
3. Đọc đoạn trích sau và liệt kê những chi tiết chứng minh Ích-chi-an là nhân vật thể hiện một số đặc điểm của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng:

“Một hồi còi trầm trầm từ cảng vọng tới. Tàu Hô-rôc khổng lồ báo hiệu sắp lên đường về. Chết, muộn quá rồi! Trời sắp sáng. Ích-chi-an đã vắng mặt gần 24 tiếng đồng hồ. Chắc anh sẽ bị cha mắng.

Ích-chi-an đã tới đường hầm. Anh thò tay qua song sắt mở cửa ra rồi theo đường hầm mà bơi trong bóng tối dày đặc. Lúc về, anh phải bơi ở lớp nước lạnh phía dưới chây từ biển vào những hồ nước trong vườn.

Một vật gì đó đập vào vai, đánh thức Ích-chi-an dậy. Anh đã vào đến hồ nước và ngoi lên. Ích-chi-an bắt đầu thở bằng phổi. Anh thở không khí ngát hương thơm của các loài hoa quen thuộc.

Theo lệnh cha, mấy phút sau, anh đã ngủ say trên giường”.

(Trích Người cá, Đỗ Ca Sơn dịch, NXB Văn học, 2018)

4. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Bài ca Chim Ưng” là bài ca cổ mà ông lão Na-dư-ra Ra-him Ôg-lư (Nadir Ragim Ogly), kể cho nhân vật xưng “tôi” nghe. Câu chuyện xoay quanh hai nhân vật Rắn Nước và Chim Ưng. Rắn Nước chứng kiến Chim Ưng gặp nạn rơi xuống khe núi. Dù mình đầy vết thương, Chim Ưng vẫn khao khát bay lên bầu trời một lần nữa, nên theo lời gợi ý của Rắn Nước, nó lao đến miệng vực, đâm bổ xuống. Thấy vậy, Rắn Nước, kẻ sinh ra chỉ bò chứ không thể bay cũng thử tung mình lên không, nhưng nó không chết, chỉ rơi xuống đồng đá. Nó thấy loài chim thật buồn cười, thấy hãnh diện với bản thân vì biết bằng lòng với cuộc sống trên đất. Trong khi đó, sóng biển vẫn hát bài ca ca ngợi Chim Ưng dũng cảm. Đoạn trích dưới đây thuộc phần đầu và phần cuối câu chuyện.

BÀI CA CHIM ƯNG

Mác-xim Go-rơ-ki (Macxim Gorki)

[...] Biển tối sẫm, cuộn cuộn những lớp sóng đứng mẫn, sáng dần lên, và rải rác trên mặt biển đây đó hiện lên những mảnh trắng vút bờ bãi. Trăng đã ló lên từ phía sau những đỉnh núi xù xì, và giờ đây nó trầm ngâm rót ánh sáng xuống mặt biển đang thở dài dâng lên đón nó, xuống biển và xuống tảng đá cạnh chúng tôi.

– Ra-him!... Cụ kể chuyện đi! – Tôi yêu cầu ông già.

– Để làm gì? – Ra-him hỏi, không ngoảnh về phía tôi.

– Thế thôi! Tôi thích nghe chuyện cụ kể.

– Tôi kể hết rồi... Chẳng còn biết chuyện gì nữa...

Đó là ông lão muốn tôi năn nỉ thêm. Tôi bèn năn nỉ ông.

– Tôi kể lại một bài ca nhé? – Ra-him thuận lòng.

Tôi muốn nghe một bài ca cổ. Thế là bằng một giọng ngâm đều đều, cố giữ nguyên cái âm điệu đặc thù của bài hát, ông lão bắt đầu kể:

“Rắn Nước bò lên cao, đi vào núi và nằm trong một khe núi ẩm ướt, mình khoan tròn, mắt trông ra biển.

[...] Bỗng trong khe núi, nơi Rắn Nước nằm khoan, Chim Ưng từ trên trời rơi xuống, ngực đập nát, máu nhuôm khắp bộ lông.

Kêu lên một tiếng ngắn, Chim rơi xuống đất và tức giận vùng vẫy, ngực đập vào đá cứng.

[...] Rắn bò lại gần Chim bị thương và phì phì phun thẳng vào mặt Chim:

– Sao, mi sắp chết ư?

– Phải, ta đang hấp hối! – Chim Ưng đáp sau một tiếng thở dài. Ta sống thật huy hoàng!... Ta đã biết thế nào là hạnh phúc!... Ta đã chiến đấu dũng cảm! Ta đã trông thấy trời xanh... Không bao giờ mày được thấy trời gần như vậy!... Thật khổ thân mày.

– Thì đã sao? Trời ư? Chỉ là một chỗ trống... Ta bò làm sao được? Ở đây ta sương lấm, vừa ẩm lại vừa ẩm ướt.

Rắn đáp lời Chim tự do như vậy, trong bụng cười thầm Chim về những lời lẽ viên vông.

Và Rắn nghĩ: “Dù bay hay bò thì rốt cục cũng thế thôi. Đều nằm trong lòng đất, đều trở thành tro bụi...”

Nhưng Chim Ưng đứng mảnh bống vùng vẫy, nhóm dậy một chút và đưa mắt nhìn dọc khe núi.

Nước rỉ qua những khe đá xám xịt, trong cái vực tối tăm, không khí ngột ngạt và sặc mùi thiu rữa.

Và thu hết tàn lực, Chim Ưng thét lên, tui phiền và đau đớn:

– Ôi, giá được bay vút lên trời một lần nữa! Bây giờ ta sẽ áp chặt kẻ thù vào những vết thương trên ngực ta... Ôi, hạnh phúc của chiến đấu!...

Rắn nghĩ: “Chắc trên trời sống thích thật, cho nên nó mới rên xiết như thế!”

Và Rắn bàn với Chim trời tự do:

– Thế thì mi hãy cố lần lên bờ vực rồi lao xuống. Có lẽ đôi cánh sẽ nâng mi, và mi sẽ sống thêm ít nữa trong môi trường quen thuộc của mi.

Và Chim Ưng giật mình rồi cất lên tiếng rên kêu hãnh, lặn lên bờ vực, móng trượt trên mặt đá nhầy nhụa.

Lên đến miệng vực, Chim dang cánh, hít một hơi dài cho đầy lồng ngực, mắt sáng quắc lên, rồi đâm bổ xuống.

Nhưng rồi như một hòn sỏi, nó lặn trên vách đá rơi xuống rất nhanh, cánh gãy, lông rụng tả tơi.

Dòng thác đón lấy Chim, cuốn sạch máu nó, phủ bột lên thân nó và vùn vụt đưa nó ra biển.

Và sóng biển vẫn xô vào đá với tiếng gầm buồn rười rượi... Và xác Chim không còn tăm tích trên mặt biển mênh mông”.

[...] Phía xa màu nguyệt bạch của biển cả lặng thình, trên bờ sóng vỗ nhịp nhàng, và tôi lặng thình nhìn ra khơi. Trên mặt nước, những đốm bạc từ trắng chiếu xuống mỗi lúc một dày... Nồi canh của chúng tôi sôi khe khẽ.

Mọi vật đều mơ màng trong giấc ngủ, nhưng là một giấc ngủ hết sức mong manh, và người ta có cảm giác như chỉ một giây sau mọi vật đều sẽ giật mình tỉnh dậy và sẽ vang lên trong một bản hoà tấu hoàn mỹ của những âm thanh êm ái vô cùng.

(Trích *Tuyển tập truyện ngắn Macxim Gorki*, Cao Xuân Hạo, Phạm Mạnh Hùng dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2012)

- Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong đoạn trích.
- Chim Ưng và Rắn Nước đã trò chuyện về vấn đề gì? Em có đồng ý với cách tác giả giải quyết vấn đề của Chim Ưng không? Vì sao?
- Cách dùng dấu ngoặc kép trong văn bản trên cho thấy có sự kết hợp lời kể khác nhau của hai người kể chuyện. Hãy xác định lời của mỗi người kể chuyện bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

TT	Từ câu... đến câu...	Là lời kể của...	Ngôi kể thứ...
1	Từ “ <i>Biển tối sẫm, cuộn cuộn những lớp sóng dưng mãnh...</i> ” đến “ <i>...ông lão bắt đầu kể.</i> ”		

2	Từ “ <i>Rắn Nước bò lên cao, đi vào núi...</i> ” đến “ <i>Và xác Chim không còn tắm tích trên mặt biển mênh mông.</i> ”		
3	Từ “ <i>Phía xa màu nguyệt bạch của biển cả lặng thinh...</i> ” đến “ <i>... một bản hoà tấu hoàn mỹ của những âm thanh êm ái vô cùng.</i> ”		

Sự thay đổi trong cách kể chuyện như có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung câu chuyện?

5. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

PHÒNG SÔ-CÔ-LA (CHOCOLATE) TI VI¹

Rô-a Đan (Roald Dahl)

Gia đình Mai Ti-vi (Mike Teavee) cùng Sác-li (Charlie) và ông nội Châu (Joe) bước ra khỏi thang máy để vào một phòng sáng loá đến nỗi họ phải nheo mắt lại vì chói và dừng bước. Ông Quon-cơ (Wonka) đưa cho mỗi người một cặp kính đen và nói:

– Đeo vào nhanh lên! Và khi nào còn ở trong này thì đừng bỏ ra, bắt kể đang làm gì. Ánh sáng này có thể làm mù mắt đấy.

Vừa đeo kính đen vào là Sác-li lập tức có thể thoải mái nhìn quanh mình. Bé thấy một căn phòng dài, hẹp chiều ngang, sơn trắng toàn bộ. Ngay cả sàn cũng trắng, không một mảy bụi ở bất cứ chỗ nào. Những ngọn đèn lớn, từ trên trần rủ xuống, toả khắp phòng một ánh sáng trắng xanh rực rỡ. Phòng hoàn toàn trống không, trừ ở hai đầu.

Ở một đầu là một máy quay phim to tướng trên bánh xe với cả một đạo quân Umpơ-Lumpơ (Umpa-Lumpa) tíu tít xung quanh, nào tra dầu, nào chỉnh các nút, nào lau các ống kính. Tất cả mang trang phục rất dị thường. Họ mặc những bộ đồ du hành vũ trụ màu đỏ tươi, đủ cả mũ mao, kính bảo vệ – chỉ ít cũng giống như những bộ đồ du hành vũ trụ – và họ làm việc trong im lặng tuyệt đối. Nhìn họ, Sác-li thấy nao nao một cảm giác nguy hiểm kì lạ. Có một

¹ Phần văn bản này được trích từ chương 26 của truyện, kể lại hành trình khám phá phòng sô-cô-la ti vi kì lạ của ông Quon-cơ.

cái gì đó nguy hiểm ở toàn bộ công việc này và những người Umpơ-Lumpơ ý thức được điều đó. Tại đây, không hề thấy họ trò chuyện hay hát hò, trong bộ đồ du hành vũ trụ đồ thẩm, họ di chuyển chậm rãi và thận trọng quanh chiếc ca-mê-ra đen kịt xù.

Ở đầu phòng đằng kia, cách chiếc ca-mê-ra chừng năm mươi bước, một người Umpơ-Lumpơ duy nhất (cũng mặc đồ du hành vũ trụ) đang ngồi ở một cái bàn đen đăm đăm nhìn vào màn hình một máy vô tuyến truyền hình cực lớn.

– Đây này – Ông Quơ-cơ nhảy tung tung phấn khích – Đây là Phòng Thử Nghiệm cho phát minh lớn nhất và mới nhất của ta – Sô-cô-la Ti vi.

– Nhưng mà sô-cô-la ti vi là cái gì? – Mai Ti-vi hỏi.

– Trời đất, bé con, hãy thôi đừng có ngắt lời ta nữa! – Ông Quơ-cơ nói.

Cái này vận hành bằng ti vi. Bản thân ta thì không thích ti vi. Ta cho rằng xem in ít thôi thì cũng được, nhưng trẻ con dường như không bao giờ chịu xài liều lượng nhỏ. Chúng muồn ngồi suốt ngày dỗi mắt và dỗi mắt vào màn ảnh...

– Như cháu – Mai Ti-vi nói.

– Im đi – Ông Ti-vi nạt.

– Cảm ơn. – Ông Quơ-cơ nói. – Ta sẽ giải thích hoạt động của ti vi kì diệu này. Nhưng trước hết, các cháu có biết ti vi thông thường vận hành như thế nào không? Rất đơn giản. Ở một đầu, nơi thu hình, có một ca-mê-ra lớn và người ta bắt đầu quay một cái gì đó. Rồi những hình ảnh được phân ra hàng triệu mảnh nhỏ li ti không thể nhìn được và những mảnh nhỏ ấy bắn lên trời bằng điện năng. Trên bầu trời, chúng vi vu lượn vòng khắp vùng cho đến khi đột nhiên chúng bắt trúng cột ăng-ten trên mái một ngôi nhà nào đó. Thế là chúng ào xuống theo một sợi dây điện dẫn thẳng vào mặt sau của một chiếc ti vi và trong đó, chúng bị lắc đảo, lắc đảo cho đến khi tất cả hàng triệu mảnh nhỏ li ti ấy, từng mảnh một, trở về đúng chỗ, khớp vào nhau (như một trò chấp hình) và hấp. Tầm ảnh hiện ra trên màn hình.

– Các hoạt động của nó không phải thế. – Mai Ti-vi nói.

– Tôi bị điếc tai trái. – Ông Quơ-cơ nói. – Thử lỗi cho tôi nếu không nghe được hết lời cháu nói.

– Cháu nói cách hoạt động của nó không phải thế. – Mai Ti-vi hét to.

– Cháu là một đứa trẻ dễ thương, – ông Quon-cơ nói, – nhưng cháu nói quá nhiều. Này nhé, ngay lần đầu tiên thấy loại ti vi bình thường vận hành, tôi nảy ra một ý vĩ đại. Nghe đây, nếu người ta có thể phá vỡ vụn một tấm ảnh ra hàng triệu mảnh và phóng chúng bay vụn vút qua không gian rồi lại chấp chúng ở lại đầu kia, thì tại sao tôi lại không thể làm thế với một thanh kẹo sô-cô-la? Tại sao tôi không thể phóng một thanh kẹo sô-cô-la thật thành những mảnh li ti bay vụn vút qua không gian để rồi chấp trở lại với nhau nguyên vẹn ở đầu đằng kia, hoàn toàn có thể ăn được?

– Không thể có chuyện ấy được! Mai Ti-vi nói.

– Cháu nghĩ thế ư? – Ông Quon-cơ cao giọng. – Được! Hãy xem đây! Giờ ta sẽ phóng một thanh sô-cô-la thuộc loại hảo hạng của ta từ đầu phòng này sang đầu kia – bằng ti vi. Này, chuẩn bị nhé! Mang sô-cô-la vào.

Lập tức, sáu người Umpơ-Lumpơ khiêng một thanh sô-cô-la khổng lồ tiến tới. Đó là thanh sô-cô-la lớn nhất mà Sác-li từng thấy. Nó bằng cả cái nệm mà cậu thường nằm ngủ ở nhà.

– Nó phải to thế, – ông Quon-cơ giải thích, – bởi vì khi phóng một vật gì bằng ti vi, thì ở đầu ra, nó sẽ bé hơn rất nhiều so với khi đưa vào máy. Ngay cả với ti vi bình thường, khi ta thu hình một người to lớn, thì ở đầu ra, trên màn hình, anh ta sẽ không lớn hơn cái bút chì, phải không nào? Nào, ta bắt đầu nhé! Chuẩn bị! Không! Không! Ngừng! Ngừng tất cả lại! Kia, cháu! Mai Ti-vi! Lùi lại. Cháu đứng sát ca-mê-ra quá. Có những tia nguy hiểm phát ra từ đó. Chúng có thể phân cháu ra thành hàng triệu mảnh li ti trong một giây đấy. Chính vì thế mà những người Umpơ-Lumpơ phải mặc đồ du hành vũ trụ để bảo vệ mình. Được. Tốt hơn rồi đó. Nào! Bật máy.

Một trong những người Umpơ-Lumpơ nắm cần máy, kéo xuống.

Một ánh chớp loé.

– Thanh sô-cô-la biến mất rồi! – Ông nội Châu reo lên, vung cả hai cánh tay.

Đúng thế. Thanh sô-cô-la khổng lồ đã biến mất tiêu.

– Nó đang trên đường. – Ông Quon-cơ nói lớn. – Giờ nó thành hàng triệu mảnh li ti đang vụn vút xuyên qua không khí trên đầu chúng ta. Mau lên! Lại đây. – Ông lao tới đầu phòng đằng kia, nơi đặt chiếc ti vi lớn và mọi người chạy theo ông. – Theo dõi màn hình! – Ông kêu. – Nó tới đây này! Nhìn xem!

Màn hình lập loè và bật sáng. Rồi đột nhiên, một thanh sô-cô-la nhỏ hiện lên giữa màn hình.

– Lấy đi! – Ông Quon-cơ hô to, mỗi lúc một thêm phấn khích.

– Làm sao mà lấy được? – Mai Ti-vi bật cười. – Đó chỉ là một hình ảnh trên màn hình.

– Sác-li Bắc-kít! – Ông Quon-cơ hô. – Cháu lấy đi! Vớ tay và nắm lấy nó.

Sác-li đưa tay ra, sờ vào màn hình và đột nhiên, như bởi phép màu, thanh sô-cô-la nằm gọn trong những ngón tay của cậu. Cậu ngạc nhiên đến nỗi suýt đánh rơi nó.

– Ăn đi! – Ông Quon-cơ hét. – Tiếp tục, nào ăn đi. Vẫn ngon tuyệt đấy. Vẫn là thanh sô-cô-la ấy. Có điều nó đã nhỏ lại trong chuyến đi, thế thôi.

– Thật là kì diệu hết chỗ nói! – Ông nội Châu há hốc miệng. – Thật là... thật là... thật là một phép thần thông.

– Thử hình dung xem, – ông Quon-cơ nói – khi tôi bắt đầu dùng phát minh này trên khắp cả nước, cụ ngồi nhà xem ti vi và bỗng nhiên một đoạn quảng cáo loé lên trên màn hình và một giọng nói vang lên: HÃY ĂN SÔ-CÔ-LA CỦA QUON-CƠ! ĐÓ LÀ SÔ-CÔ-LA NGON NHẤT TRÊN THẾ GIỚI. KHÔNG TIN, HÃY THỬ LUÔN MỘT THANH – ĐÂY! Và cụ chỉ việc vớ tay ra lấy một cái. Cụ thấy thế nào?

– Tuyệt vời! – Ông nội Châu reo lên. – Nó sẽ làm thay đổi cả thế giới.

(Trích *Charlie và nhà máy sô-cô-la*, Dương Tường dịch, Phan Thành Đạt minh hoạ, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2021)

- Văn bản viết về đề tài gì?
- Liệt kê những sự kiện chính xảy ra với chú bé Sác-li Bắc-kít trong đoạn trích.
- Dựa vào bảng sau, em hãy nêu điểm giống và khác nhau giữa chiếc ti vi thông thường hiện nay và chiếc ti vi sô-cô-la của ông Quon-cơ:

	Ti vi thông thường	Ti vi sô-cô-la
Giống		
Khác (mục đích chế tạo, cách thức sử dụng)		

- d. Từ các chi tiết trong văn bản, hãy cho biết nhân vật ông Quon-cơ thể hiện những đặc điểm nào của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng.
- đ. Văn bản trên thể hiện những đặc điểm nào của truyện khoa học viễn tưởng về đề tài, cốt truyện, tình huống, sự kiện?
- e. Từ câu chuyện về phòng sô-cô-la ti vi của ông Quon-cơ, em nghĩ gì về khả năng sáng tạo của con người?

II. TIẾNG VIỆT

1. Tìm các từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống:

“Chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ có thể được mở rộng bằng cụm từ. Chúng ta có thể biến chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ từ một từ trở thành một hoặc từ một cụm từ trở thành một cụm từ hơn”.

2. Lựa chọn hai từ trong các từ sau để hoàn thành câu văn dưới đây: *mạch lạc, rõ ràng, chi tiết, sáng tạo, hấp dẫn*.

“Việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ làm cho việc miêu tả hơn”.

3. So sánh các cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng các thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ:

a₁. Trăng đã ló lên từ phía sau đỉnh núi, và giờ đây nó rót ánh sáng xuống mặt biển.

a₂. Trăng đã ló lên từ phía sau những đỉnh núi xù xì, và giờ đây nó trầm ngâm rót ánh sáng xuống mặt biển đang thờ dài dâng lên đón nó, xuống biển và xuống tầng đá cạnh chúng tôi.

b₁. Chim Ưng bỗng vùng vẫy, nhòm dậy và đưa mắt nhìn dọc khe núi.

b₂. Chim Ưng đứng mảnh bỗng vùng vẫy, nhòm dậy một chút và đưa mắt nhìn dọc khe núi.

4. Xác định chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ (nếu có) trong các câu sau:

a. Nhìn họ, Sác-li thấy nao nao một cảm giác nguy hiểm kì lạ.

b. Màn hình lập loè và bật sáng. Rồi đột nhiên, một thanh sô-cô-la nhỏ hiện lên giữa màn hình.

5. Mở rộng các thành phần được gạch chân trong các câu sau bằng cụm từ, sau đó so sánh để làm rõ sự khác biệt về nghĩa giữa câu mở rộng và câu trước khi mở rộng:

- a. Ti vi sô-cô-la là sáng tạo của ông Quon-cơ.
- b. Trong phòng sáng chế của ông Quon-cơ, Sác-li đã trải nghiệm nhiều điều kì diệu.
- c. Ông Quon-cơ ngắt lời Mai Ti-vi.

III. VIẾT

1. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

Đoạn văn tóm tắt văn bản được viết ra để được nêu trong văn bản. Việc viết đoạn văn tóm tắt văn bản giúp chúng ta nội dung chính của văn bản.

2. Trình bày những yêu cầu của đoạn văn tóm tắt văn bản.

3. Vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản *Phòng sô-cô-la ti vi*.

4. Dựa trên sơ đồ đã vẽ, em hãy viết một đoạn văn từ 150 đến 200 chữ để tóm tắt văn bản *Phòng sô-cô-la ti vi*.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Ghi lại những kinh nghiệm của bản thân khi thực hiện bài thảo luận nhóm về một nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng.

2. Điền vào chỗ trống để hoàn thành câu văn sau:

“Một vấn đề trong đời sống cũng như trong văn học khi được đưa ra thảo luận có thể có khá nhiều khác nhau, thậm chí gây Tuy vậy, mọi ý kiến trong buổi thảo luận đều cần được Có như thế, cuộc thảo luận mới sôi nổi, thú vị và thật sự.....”.

3. Trong văn bản *Phòng sô-cô-la ti vi*, chúng ta có thể tổ chức thảo luận về những nhân vật nào? Vì sao chúng ta có thể thảo luận về những nhân vật đó?

4. Trình bày một số cách hiệu quả để phản hồi các ý kiến khi thảo luận nhóm về một nhân vật gây tranh cãi.

5. Thực hiện đề bài sau:

Đề bài: Trong buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học sắp tới, lớp em tổ chức buổi thảo luận về một nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng “Charlie và nhà máy sô-cô-la”. Với hai văn bản đã đọc trong SGK và sách bài tập, em hãy đề xuất các nhân vật có thể đem ra thảo luận và lựa chọn một nhân vật để thực hiện cuộc thảo luận nhóm.

- Trong vai trò người nói, em hãy chọn thái độ ủng hộ hay phản đối nhân vật và tiến hành xây dựng lập luận, lí lẽ cho ý kiến của em.
- Trong vai trò người nghe, em hãy lắng nghe và tóm tắt phần thảo luận, phản bác ý kiến của các bạn trong nhóm.
- Trong vai trò là thành viên nhóm, các em hãy thống nhất ý kiến với nhau và đưa ra những nhận định về nhân vật.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Để trả lời câu hỏi này, em hãy đọc lại phần *Tri thức Ngữ văn* (SGK), phân đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng, sau đó điền thông tin vào bảng.

Bảng tóm tắt những đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng

	Đặc điểm
Đề tài	Đa dạng, phong phú, thường gắn liền với các phát minh khoa học, công nghệ.
Cốt truyện	Thường được xây dựng dựa trên các sự kiện giả tưởng liên quan đến các thành tựu khoa học.
Tình huống	Đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn hay mâu thuẫn cần phải giải quyết trong thế giới giả tưởng.
Sự kiện	Thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện xảy ra trong thế giới giả định.
Nhân vật	Thường xuất hiện các nhân vật như: người ngoài hành tinh, quái vật, người có năng lực phi thường, những nhà khoa học, nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ.
Không gian, thời gian	Mang tính giả định, chẳng hạn thời gian trộn lẫn quá khứ, hiện tại và tương lai, không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển.

2. Đọc lại mục hướng dẫn đọc trong phần *Đọc mở rộng theo thể loại*. Sau đó, lựa chọn các thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi này.

Gợi ý trả lời:

Khi đọc truyện khoa học viễn tưởng, cần chú ý đến các yếu tố sau đây:

- Xác định đề tài của truyện: đề tài của truyện thường liên quan đến các vấn đề của khoa học kĩ thuật, tiến bộ công nghệ.
- Xác định các yếu tố giả tưởng trong không gian, thời gian của câu chuyện.
- Xác định yếu tố khoa học trong truyện (liên quan đến những phát minh, sáng chế nào?).
- Xác định cốt truyện và các sự kiện phi thực tế trong câu chuyện.
- Tìm hiểu cách nhà văn miêu tả các nhân vật giả tưởng trong câu chuyện.
- Rút ra ý nghĩa của câu chuyện hoặc thông điệp mà nhà văn muốn nhấn gửi tới người đọc.

3. Những chi tiết thể hiện Ích-chi-an là nhân vật của truyện khoa học viễn tưởng:

- Ích-chi-an có thể sống cuộc sống của một người cá ngoài biển khơi suốt 24 tiếng đồng hồ.
- Ích-chi-an có thể bơi ở mức nước sâu (trong bóng tối dày đặc, ở lớp nước lạnh phía dưới) mà không cần bình dưỡng khí.
- Ích-chi-an có thể ngủ ngay cả khi đang bơi và để cho mình trôi đi theo dòng nước biển.
- Ích-chi-an vừa thở bằng mang lại vừa thở được bằng phổi. Ở dưới biển, anh thở bằng mang, vừa ngoi lên bờ, anh lại thở bằng phổi và sinh hoạt, ngủ nghỉ như một con người bình thường.

4. *Gợi ý trả lời:*

a. Các sự kiện chính xảy ra trong văn bản *Bài ca Chim Ưng*:

- Nhân vật “tôi” năn nỉ ông lão Ra-him kể một bài ca cổ có tên “Bài ca Chim Ưng”.
- Chim Ưng bị thương, rơi xuống khe núi và gặp Rắn Nước.

– Rắn Nước khuyên Chim Ưng thả mình từ miệng vực để có thể lần nữa bay lên bầu trời.

– Chim Ưng thả mình xuống vực nhưng không bay lên được mà bị sóng cuốn đi.

b. Em hãy xác định nội dung tranh luận giữa Chim Ưng và Rắn Nước, sau đó, nêu ý kiến đồng ý hay không đồng ý với cách giải quyết vấn đề của tác giả và giải thích vì sao.

Gợi ý trả lời:

– Chim Ưng và Rắn Nước tranh luận với nhau về cuộc sống trên bầu trời.

+ Chim Ưng: trông thấy trời xanh, tự do bay lượn giữa bầu trời là hạnh phúc, thấy Rắn Nước thật khổ thân vì không được gần bầu trời.

+ Rắn Nước: trời chỉ là một chỗ trống, không bò được, ở hẻm núi vừa ẩm lại vừa ẩm ướt.

Cuộc tranh luận này cho thấy cả Chim Ưng và Rắn Nước đều có cái nhìn phiến diện, chỉ đứng trên góc nhìn, trải nghiệm, môi trường sống của mình để đánh giá cuộc sống của người khác.

– Cách tác giả giải quyết vấn đề: Để Rắn Nước khuyên Chim Ưng lao từ vực xuống, nhằm nâng đôi cánh lên, sống thêm một ít nữa trong môi trường bầu trời quen thuộc.

– Ý kiến của em về cách tác giả giải quyết vấn đề của Chim Ưng có thể phát biểu theo hai hướng sau:

+ *Đồng ý với cách giải quyết của tác giả*, vì: Chim Ưng đang hấp hối, nếu không thử lao xuống miệng vực, nó cũng sẽ chết. Lao xuống vực, biết đâu, Chim Ưng có thể bay lượn được thêm một vài giây phút giữa bầu trời. Cách giải quyết này cho thấy Chim Ưng rất dũng cảm, khao khát tự do và biết cố gắng hết sức để đạt được niềm hy vọng.

+ *Phản đối cách giải quyết của tác giả*, vì: Chim Ưng bị thương nặng, không thể nào bay lên được nữa. Chính vì nó cố chấp lao xuống vực để bay lên nên mới bị sóng cuốn trôi, chết trong đau đớn và thất vọng. Cách giải quyết này cho thấy Chim Ưng không biết chấp nhận thực tế, mơ mộng viễn vông.

c. Trước tiên, em hãy xác định lời của mỗi người kể chuyện trong văn bản *Bài ca Chim Ưng*, sau đó, rút ra tác dụng:

Gợi ý trả lời:

TT	Từ câu... đến câu...	Là lời kể của...	Ngôi kể thứ...
1	Từ <i>"Biển tối sẫm, cuộn cuộn những lớp sóng dững mãi..."</i> đến <i>"... ông lão bắt đầu kể."</i>	Người kể chuyện xưng "tôi".	Ngôi kể thứ nhất: Sử dụng từ xưng "tôi", gọi nhân vật là "ông lão".
2	Từ <i>"Rắn Nước bò lên cao, đi vào núi..."</i> đến <i>"Và xác Chim không còn tằm tích trên mặt biển mênh mông."</i>	Người kể chuyện là nhân vật "ông lão".	Ngôi kể thứ ba: Lời kể được đặt trong ngoặc kép với sự giới thiệu (lời dẫn) của người kể chuyện xưng "tôi".
3	Từ <i>"Phía xa màu nguyệt bạch của biển cả lặng thình ..."</i> đến <i>"... một bản hoà tấu hoàn mỹ của những âm thanh êm ái vô cùng."</i>	Người kể chuyện xưng "tôi".	Ngôi kể thứ nhất: Sử dụng từ xưng "tôi", gọi nhân vật là "ông lão".

Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong cách kể chuyện:

– Giúp người đọc phân biệt được hai câu chuyện: câu chuyện nhân vật tôi kể về ông lão Ra-him và câu chuyện về Chim Ưng và Rắn Nước mà ông lão Ra-him kể cho nhân vật tôi nghe.

– Giúp người đọc thấy được sự thay đổi trong cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật tôi sau khi nghe câu chuyện về con Chim Ưng dũng cảm, dám chết cho khát vọng được bay lượn trên bầu trời.

– Giúp người đọc phân biệt giữa hai thế giới: thế giới thực tại là câu chuyện của ông lão và nhân vật tôi; thế giới tưởng tượng là câu chuyện mang tính chất triết lí về Chim Ưng và Rắn Nước.

5. *Gợi ý trả lời:*

a. Đề tài: Ứng dụng phát minh khoa học sáng chế ti vi để sản xuất kẹo sô-cô-la.

b. Những sự kiện chính xảy ra với chú bé Sác-li Bắc-kít trong đoạn trích:

- Sác-li và mọi người được ông Quơn-cơ dẫn vào phòng sô-cô-la ti vi.
- Sác-li lắng nghe cơ chế hoạt động của ti vi và máy sô-cô-la ti vi.
- Sác-li chứng kiến quá trình hoạt động của ti vi sô-cô-la và được ăn kẹo sô-cô-la lấy ra từ chiếc ti vi.

c. Để trả lời câu hỏi này, em cần đọc kĩ các lời thoại của nhân vật ông Quơn-cơ khi giới thiệu về ti vi và ti vi sô-cô-la cho các vị khách đến thăm nhà máy nghe. Ngoài ra, em cần lựa chọn thêm một số chi tiết thể hiện sự độc đáo, khác thường của ti vi sô-cô-la khi ông Quơn-cơ thực hiện việc phóng thanh sô-cô-la từ chiếc ti vi này.

Bảng so sánh chiếc ti vi thông thường hiện nay và chiếc ti vi sô-cô-la của ông Quơn-cơ

	Ti vi thông thường	Ti vi sô-cô-la
Giống	– Cả hai chiếc ti vi đều có cơ chế hoạt động giống nhau: thu hình vào ca-mê-ra, phân hình ảnh thành hàng triệu mảnh nhỏ li ti, cuối cùng, hình ảnh xuất hiện trên màn hình thông qua ăng-ten thu, phát sóng. – Cả hai chiếc ti vi đều thu nhỏ hình ảnh so với thực tế ở ngoài đời.	
Khác (mục đích chế tạo, cách thức sử dụng)	– Mục đích chế tạo: thu – phát sóng hình ảnh để phục vụ nhu cầu cung cấp thông tin, giải trí, học tập của con người. – Cách thức sử dụng: dùng như một thiết bị truyền tín hiệu, hình ảnh, thông tin, con người không tác động, không chạm vào hình ảnh trong đó được. Vì vậy, người xem không có trải nghiệm thực tế.	– Mục đích chế tạo: để đưa kẹo sô-cô-la đến tận tay người dùng, sau khi đã thu nhỏ thành sô-cô-la so với thực tế. – Cách thức sử dụng: dùng như một máy bán hàng tự động tại nhà, một kênh phân phối, quảng cáo. Con người có thể thò tay vào ti vi và lấy kẹo ở trong đó ra. Người xem ti vi sô-cô-la có trải nghiệm thực tế thú vị.

d. Một số đặc điểm của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng được thể hiện qua nhân vật Quon-cơ là:

- Người có hiểu biết về các phát minh liên quan đến khoa học (biểu hiện qua cách ông giới thiệu về cơ chế hoạt động của ti vi và ti vi sô-cô-la, qua cách ông tổ chức sản xuất để những người công nhân không gặp nguy hiểm khi vận hành máy móc).

- Người có khả năng sáng tạo phi thường, có thể tạo ra những điều kì diệu, từ chiếc ti vi thông thường nghĩ đến việc chế tạo ti vi sô-cô-la.

đ. Những đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cốt truyện, tình huống, sự kiện, không gian:

- Cốt truyện: Sác-li và các bạn được trải nghiệm phòng sản xuất ti vi sô-cô-la. Dựa trên phát minh về ti vi, ông Quon-cơ đã sáng tạo nên chiếc ti vi có thể thu, phóng thanh kẹo sô-cô-la, giúp người xem có thể thò tay vào ti vi, lấy thanh kẹo để ăn.

- Tình huống: nhân vật được đặt trong tình huống khám phá giả tưởng (khám phá phòng sản xuất ti vi sô-cô-la kì diệu, vừa nhìn hình ảnh, vừa lấy kẹo để ăn được).

- Sự kiện: trộn lẫn thế giới thực tại (công nghệ sản xuất ti vi, thu hình) với thế giới giả tưởng, có thể xảy ra trong tương lai (sản xuất chiếc ti vi có thể chạm vào được, lấy thức ăn ở bên trong được).

- Không gian: căn phòng ti vi sô-cô-la với những máy móc khổng lồ, những người tí hon mặc đồ của các nhà du hành vũ trụ.

e. Câu chuyện về ông Quon-cơ cho ta thấy:

- Khả năng sáng tạo của con người phải bắt nguồn từ sự hiểu biết thấu đáo về những kiến thức liên quan đến lĩnh vực mình tìm hiểu, thực hiện.

- Khả năng sáng tạo của con người cần thông qua quan sát (cách ông Quon-cơ quan sát chiếc ti vi hoạt động và nghĩ đến ti vi sô-cô-la).

- Khả năng sáng tạo của con người là vô hạn, biến những điều không thể thành có thể.

II. TIẾNG VIỆT

1. “Chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ có thể được mở rộng bằng cụm từ. Chúng ta có thể biến chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ từ một từ trở thành một **cụm từ** hoặc từ một cụm từ **đơn giản** trở thành một cụm từ **phức tạp** hơn”.

2. “Việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ làm cho việc miêu tả **chi tiết, rõ ràng** hơn”.

3.

Cặp câu	Câu (1)	Câu (2)	So sánh sự khác nhau
a_1 và a_2	đã ló lên từ phía sau đỉnh núi	đã ló lên từ phía sau những đỉnh núi xù xì	Vị ngữ 1 trong câu a_1 là một cụm động từ đơn giản. Vị ngữ 1 trong câu a_2 là một cụm động từ có cấu tạo phức tạp hơn.
	rót ánh sáng xuống mặt biển.	trầm ngâm rót ánh sáng xuống mặt biển đang thở dài dâng lên đón nó, xuống biển và xuống tảng đá cạnh chúng tôi.	Vị ngữ 2 trong câu a_1 là một cụm động từ đơn giản. Vị ngữ 2 trong câu a_2 là một cụm động từ có cấu tạo phức tạp hơn.
b_1 và b_2	Chim Ưng	Chim Ưng dũng mãnh	Chủ ngữ trong câu b_1 là một danh từ. Chủ ngữ trong câu b_2 là một cụm danh từ.

Tác dụng: Việc mở rộng các thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ có tác dụng làm cho việc miêu tả chi tiết, rõ ràng hơn. Chẳng hạn, so với việc dùng một danh từ làm chủ ngữ trong câu b_1 thì việc dùng một cụm danh từ làm chủ ngữ trong câu b_2 giúp miêu tả chi tiết, cụ thể phẩm chất của nhân vật Chim Ưng “dũng mãnh”.

4.

a. Nhìn ho, Sác-li/ thấy nao nao một cảm giác nguy hiểm kì lạ.

TN CN VN

b. Màn hình/ lập loè và bất sáng. Rồi đột nhiên, một thanh sô-cô-la nhỏ/

CN VN TN CN

hiện lên giữa màn hình.

VN

5.

Câu	Thành phần được mở rộng	Câu sau khi mở rộng	Sự khác nhau về nghĩa trước – sau khi mở rộng câu
a	Chủ ngữ (<i>Ti vi sô-cô-la</i>)	<i>Chiếc ti vi sô-cô-la vô cùng độc đáo kia là sáng tạo của ông Quơn-cơ.</i>	Câu sau khi mở rộng miêu tả đối tượng (ti vi sô-cô-la) cụ thể hơn (<i>vô cùng độc đáo</i>).
b	Trạng ngữ (<i>Trong phòng sáng chế của ông Quơn-cơ</i>)	<i>Trong phòng sáng chế lạ lùng có một không hai của ông Quơn-cơ, Sác-li đã trải nghiệm nhiều điều kì diệu.</i>	Câu sau khi mở rộng miêu tả phòng sáng chế của ông Quơn-cơ chi tiết hơn (<i>lạ lùng, có một không hai</i>).
c	Vị ngữ (<i>ngắt lời Mai Ti-vì</i>)	<i>Ông Quơn-cơ ngắt lời chen ngang của cậu bé thiếu lễ phép Mai Ti-vì.</i>	Câu sau khi mở rộng miêu tả Mai Ti-vì (<i>cậu bé thiếu lễ phép Mai Ti-vì</i>) và lời nói của cậu bé (<i>chen ngang</i>) một cách cụ thể, chi tiết hơn.

III. VIẾT

1. Em hãy đọc lại khái niệm đoạn văn tóm tắt văn bản trong SGK để tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống. Các từ ngữ đó là: *tóm tắt ý chính; nhận ra.*

2. Những yêu cầu của đoạn văn tóm tắt văn bản: tìm câu trả lời trong SGK.

3. Để vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung của văn bản, em cần xem lại bước thứ hai (tìm ý, lập dàn ý) trong mục *Hướng dẫn quy trình viết* của SGK.

4. Để viết được đoạn văn tóm tắt văn bản *Phòng sô-cô-la ti vi*, em cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Tìm ý bằng cách xác định những yêu cầu chính trong đề

- Yêu cầu về thể loại: viết đoạn văn tóm tắt văn bản truyện.
- Yêu cầu về nội dung: tóm tắt các sự kiện, chi tiết chính trong văn bản *Phòng sô-cô-la ti vi*.
- Yêu cầu về hình thức: đoạn văn với dung lượng từ 150 – 200 chữ (khoảng 15 đến 20 dòng); có đầy đủ phần mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý theo hướng dẫn trong bài 9 trong SGK

Để lập được dàn ý, em có thể sử dụng kỹ thuật *Năm ngón tay* nhằm giúp em xác định bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật, mâu thuẫn, sự kiện xảy ra và kết thúc theo quy tắc (xem hình bên).



Ưu điểm của kỹ thuật *Năm ngón tay* là ngoài việc cung cấp cho em một công cụ trực quan, sinh động để tóm tắt văn bản, còn giúp em nắm vững các sự kiện chính xảy ra trong câu chuyện.

Bước 3: Viết đoạn văn dựa trên dàn ý em vừa lập

Bước 4: Xem lại bài viết của mình và chỉnh sửa bằng cách dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm đoạn văn tóm tắt văn bản

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở đoạn	Giới thiệu nhan đề và tác giả của văn bản <i>Phòng sô-cô-la ti vi</i> .		

Thân đoạn	Trình bày đầy đủ, ngắn gọn các nội dung quan trọng trong văn bản gồm: bối cảnh, nhân vật, sự kiện chính, chi tiết chính.		
	Đảm bảo được độ dài của đoạn văn.		
Kết đoạn	Chọn chi tiết kết thúc văn bản để làm phần kết đoạn.		

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Để rút ra được những bài học kinh nghiệm có giá trị cho bản thân khi thực hiện bài thảo luận nhóm về một nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng, em có thể tự phản hồi quá trình tham gia của mình dựa trên bảng hướng dẫn dưới đây:

KINH NGHIỆM SAU KHI THẢO LUẬN NHÓM

Nhận xét về bản thân

Điều học hỏi từ các bạn

Kinh nghiệm sâu sắc nhất

Chân trời sáng tạo

Ở cột thứ nhất, em ghi lại những nhận xét về quá trình em tham gia cùng các bạn bằng cách trả lời các câu hỏi như:

– Em có tích cực tham gia góp ý kiến thảo luận không?

– Em có lắng nghe các bạn với thái độ tôn trọng, tập trung không?

– Em có cùng các bạn tích cực đặt câu hỏi và tìm câu trả lời để làm rõ vấn đề cần thảo luận không?

Ở cột thứ hai, em ghi lại tất cả những quan sát và nhận xét của em liên quan đến thái độ, ý kiến, hoạt động của các bạn trong nhóm bằng cách trả lời một số câu hỏi như:

– Em đồng tình với ý kiến của bạn nào?

– Ý kiến của bạn em có nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục không?

– Em học được những gì qua thái độ, hoạt động của các bạn trong nhóm?

Ở cột thứ ba, em ghi lại những kinh nghiệm, bài học sâu sắc nhất em tự rút ra cho bản thân mình thông qua quá trình nhận xét việc tham gia thảo luận nhóm của em và các bạn trong nhóm.

2. Các từ cần điền vào chỗ trống là: *ý kiến; tranh cãi; tôn trọng; hữu ích.*

3. Trong văn bản *Phòng sô-cô-la ti vi*, chúng ta có thể tổ chức thảo luận về những nhân vật sau:

– Ông Quon-cơ

– Cậu bé Mai Ti-vi

– Ông Ti-vi (bố của cậu bé Mai Ti-vi)

Lí do chúng ta có thể chọn những nhân vật này để thảo luận vì cả ba nhân vật đều có những thái độ, hành động có thể gây ra những luồng ý kiến, góc nhìn khác nhau. Cụ thể:

– Ông Quon-cơ đúng hay sai khi đưa một chú bé mê ti vi như Mai Ti-vi vào phòng sô-cô-la ti vi?

– Mai Ti-vi có phải là một chú bé không ngoan khi liên tục cắt lời và tranh cãi với ông Quon-cơ về ti vi?

– Ông Ti-vi có phải là một người cha không tốt khi quát mắng con trước mặt những người xa lạ?

4. Để phản hồi hiệu quả các ý kiến khi thảo luận nhóm về một nhân vật gây tranh cãi trong truyện khoa học viễn tưởng, em có thể sử dụng các cách sau đây:

– Lắng nghe ý kiến, câu hỏi của đội bạn.

- Ghi chép lại một cách cẩn thận các ý kiến, phản hồi từ đội bạn.
- Cùng nhau thảo luận, xác định, phân tích các ý kiến thiếu sức thuyết phục, thiếu bằng chứng của đội bạn.
- Thống nhất đưa ra phản hồi của nhóm mình.

5. Thực hiện đề bài thảo luận về một nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng *Charlie và nhà máy sô-cô-la*.

Bước 1: Chuẩn bị

Để chuẩn bị cho buổi thảo luận, hãy liệt kê tên của các nhân vật có thể tạo nên các ý kiến trái chiều ở người đọc.

Sau đó, chọn một nhân vật khiến em băn khoăn nhất và chia sẻ quan điểm của em với các bạn trong nhóm.

Ví dụ: Ông Quon-cơ là người xấu hay người tốt khi “cố tình” đưa năm đứa trẻ vào chuyến tham quan đầy thử thách tại nhà máy sô-cô-la để tìm ra đứa trẻ “kế thừa” nhà máy?

Sau khi lựa chọn xong nhân vật, em và các bạn trong nhóm chia làm hai đội: *đội ủng hộ* và *đội phản đối*.

Để chuẩn bị cho phần trình bày của mình, em cần đọc kĩ văn bản, đọc kĩ phần tóm tắt các truyện khoa học viễn tưởng và tiến hành xây dựng lập luận ủng hộ/ phản đối nhân vật dựa trên mẫu sau:

Nhân vật được tôi ủng hộ/ bị tôi phản đối vì:

Lí lẽ:

Bằng chứng 1:

Bằng chứng 2:

Bước 2: Thảo luận

Em và các bạn trong nhóm chia thành hai đội theo danh sách đăng kí và tiến hành thảo luận theo ba bước như sự hướng dẫn trong SGK:

- Trình bày ý kiến.
- Phản hồi ý kiến.
- Thống nhất ý kiến.

Bài 10

LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH

(Thơ)

BÀI TẬP

I. ĐỌC

- Hãy đọc lại bài thơ *Mẹ* của Đỗ Trung Lai trong SGK và thực hiện các yêu cầu sau:
 - Chỉ ra những đặc điểm về vần và nhịp trong bài thơ.
 - Tìm những từ ngữ có ý nghĩa trái ngược nhau được sử dụng trong văn bản. Những từ ngữ trái nghĩa ấy gắn liền với việc khắc hoạ những hình ảnh nào? Lí giải ý nghĩa của việc khắc hoạ song hành những hình ảnh ấy trong văn bản.
 - Những hình ảnh như: “*Cau ngày càng cao*”, “*Mẹ ngày một thấp*”, “*Cau gần với trời*”, “*Mẹ thì gần đất*” gợi cho em liên tưởng đến điều gì? Việc sử dụng những hình ảnh ấy góp phần thể hiện tình cảm gì của nhà thơ?
 - Trong khổ thơ sau, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào và tác dụng của chúng là gì? Nhận xét về cách sử dụng từ “*nâng*” và “*cầm*” trong khổ thơ.

Một miếng cau khô

Khô gầy như mẹ

Con nâng trên tay

Không cầm được lệ.

- Đọc văn bản sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

KHÁT VỌNG

Xuân Quỳnh

Ngày còn bé ta mơ trăng tháng Tám

Giữa đêm rằm bày cỗ, vui chơi

Cùng bạn nhỏ rước đèn múa hát

Trống ếch lưng từng nào nước trắng vui.

Khi lớn khôn ước mơ càng cháy bỏng
Vai kẻ vai nghe rộn tiếng tim yêu
Trải tâm tư dưới trời trăng sáng
Cuộc đời ơi, đẹp biết bao nhiêu!

Chỉ thế thôi ư? Ta còn mơ ước
Thành nhà thơ ca ngợi cuộc đời
Những vần thơ cùng du hành vũ trụ
Suối âm vùng trăng lạnh niềm vui.

Đâu chỉ lên trăng, thơ ta còn bay khắp
Theo những con tàu cập bến các vì sao
Như lòng ta chẳng bao giờ nguôi khát vọng
Biết bay rồi, ta lại muốn bay cao.

(In trong *Tơ tằm – Chồi biếc*, NXB Văn học, Hà Nội, 1963)

- Bài thơ thể hiện những mơ ước gì của nhân vật xưng “ta”? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện mơ ước ấy.
- Nhận xét nét độc đáo của các hình ảnh trong câu thơ:

Đâu chỉ lên trăng, thơ ta còn bay khắp

Theo những con tàu cập bến các vì sao.

- Hãy chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ cuối. Theo em, việc sử dụng biện pháp tu từ ấy có tác dụng gì trong việc biểu lộ khát vọng của nhân vật xưng “ta”?
- Tác giả đã bộc lộ những tình cảm, cảm xúc gì qua bài thơ? Em cảm nhận như thế nào về những tình cảm, cảm xúc ấy?
- Ở ba khổ thơ đầu, tác giả sử dụng từ “mơ ước” hoặc “ước mơ”, nhưng ở khổ thơ cuối lại dùng từ “khát vọng”. Theo em, sự thay đổi này có dụng ý gì?
- Qua văn bản trên, tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì? Thông điệp ấy có ý nghĩa như thế nào đối với em?

3. Đọc văn bản sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

CHỢ TẾT

Đoàn Văn Cừ

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh,
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
Người các ấp tung bùng ra chợ Tết.
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc;
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
Vải cụ già chống gậy bước lom khom,
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.
Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tia nháy hoài trong ruộng lúa,
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.
Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.
Con trâu đứng vờ đim hai mắt ngủ,
Đẽ lẳng nghe người khách nói bô bô.
Anh hàng tranh kiosk quây đôi bò,
Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán.
Một thầy khoá gò lưng trên cánh phản,
Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.
Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ.
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.

Chú hoa man đầu chít chiếc khăn nâu,
 Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu.
 Áo cụ lí bị người chen sấn kéo,
 Khăn trên đầu đang chít cũng bung ra.
 Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà,
 Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
 Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi,
 Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.
 Những mệt cam đồ chót tựa son pha.
 Thúng gạo nếp đông đầy như núi tuyết,
 Con gà trống mào thâm như cục tiết,
 Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.

Chợ tung bùng như thế đến gần đêm,
 Khi chuông tối bên chùa vắng vắng đánh,
 Trên con đường đi các làng hẻo lánh,
 Những người quê lũ lượt trở ra về.
 Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,
 Lá đa rụng toi bời quanh quán chợ.

(Đoàn Văn Cừ toàn tập, NXB Hội nhà văn, 2013)

- a. Bức tranh thiên nhiên ở khổ thứ nhất được miêu tả có gì độc đáo? Nét độc đáo ấy thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nào?

Khổ	Từ ngữ	Hình ảnh	Biện pháp tu từ
1			
Nhận xét nét độc đáo:			

b. Nhận xét nét độc đáo của từ ngữ, hình ảnh trong các câu thơ sau:

*Anh hàng tranh kều kịt quẩy đôi bồ,
Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán.
Một thầy khoá gò lưng trên cánh phàn,
Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.
Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ.
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.*

c. Em nhận xét như thế nào về vần và nhịp của bài thơ?

d. Cho biết chủ đề của bài thơ.

II. TIẾNG VIỆT

1. Ngữ cảnh của một từ là gì? Ngữ cảnh có vai trò thế nào trong việc lựa chọn từ ngữ khi viết hoặc nói và hiểu nghĩa của từ khi đọc hoặc nghe?
2. Khi gặp một từ không biết nghĩa, chúng ta có thể dựa vào đâu để xác định nghĩa của từ? Cho ví dụ.
3. Đọc đoạn thơ sau:

*Trong khoảnh khắc sách, bài là giấy cũ,
Nhớ làm chi. Thầy mẹ đời, em trông.
Trên đòng làng huyết phượng nở thành bông,
Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.*

(Xuân Tâm, *Nghĩ hè*)

Sự xuất hiện của từ “phượng” bên cạnh từ “huyết” trong đoạn thơ trên có làm thay đổi cách hiểu thông thường về từ “huyết” không? Xác định nghĩa của từ “huyết” trong đoạn thơ trên.

4. Đọc đoạn thơ sau:

*Tôi nằm nghe trái tim mình ca hát
Trên ngực tôi nằm ngủ một con mèo.*

(Anh Ngọc, *Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi*)

- a. Xác định nghĩa của từ “ca hát” trong đoạn thơ trên.
- b. Dựa vào đâu em xác định được nghĩa ấy của từ?

5. Đọc đoạn thơ sau:

*Khi lớn khôn ước mơ càng **cháy bỏng**
Vai kẻ vai nghe rộn tiếng tim yêu
Trải tâm tư dưới trời trăng sáng
Cuộc đời ơi, đẹp biết bao nhiêu!*

(Xuân Quỳnh, *Khát vọng*)

- a. Dựa vào ngữ cảnh, hãy xác định nghĩa của từ “cháy bỏng”.
- b. Đặt một câu có từ “cháy bỏng” được dùng với nghĩa trên.

6. Đọc đoạn thơ sau:

*Em bé nhìn đóm bay, chờ tiếng bàn chân mẹ
Bàn chân mẹ lội bùn ì oạp phía đồng xa
Trời về khuya lung linh trắng
vườn hoa mận trắng
Mẹ đã bế vào nhà nôi đợi vẫn nằm mơ.*

(Vũ Quần Phương, *Đợi mẹ*)

- a. Mẹ đã bế ai vào nhà? Vì sao em biết?
- b. Em có nhận xét gì về cách viết câu thơ cuối trong đoạn thơ trên?

III. VIẾT

1. Một bài văn biểu cảm về con người cần đạt những yêu cầu nào?
2. Mỗi người chúng ta ai cũng có những người mà mình yêu quý. Em hãy viết một bài văn thể hiện tình cảm của mình với một người mà em yêu quý nhất. Chú ý các yêu cầu về bài văn mà em đã trình bày trong câu 1.

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Để có thể trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống một cách thuyết phục, chúng ta cần chú ý những gì?

2. Để chuẩn bị cho một buổi sinh hoạt nhóm bàn về vấn đề thân tượng đối với giới trẻ hiện nay, em sẽ chuẩn bị như thế nào? Hãy chuẩn bị cho phần trình bày của mình với những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, đồng thời chuẩn bị cách bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1.

a. Chỉ ra những đặc điểm về vần và nhịp trong bài thơ.

– Vần: sử dụng vần chân theo kiểu vần cách. Hai câu cách nhau cùng một vần bằng hoặc trắc.

– Nhịp: cách ngắt nhịp linh hoạt 2/2, 1/3 nhịp nhàng trong toàn bộ bài thơ.

– Nhận xét: Vần và nhịp góp phần tạo nên âm điệu tha thiết của bài thơ, góp phần diễn tả tâm trạng, tình cảm của tác giả.

b. Những từ ngữ có ý nghĩa trái ngược nhau được sử dụng trong văn bản: *còng – thẳng, xanh ròn – bạc trắng, cao – thấp*.

Những từ ngữ trái nghĩa ấy gắn liền với việc khắc hoạ hình ảnh mẹ già và cau xanh. Việc khắc hoạ song hành những hình ảnh ấy trong văn bản làm nổi bật sự tương phản và qua đó giúp người đọc thấy rõ hơn mẹ ngày càng già đi, yếu đi.

c. Những hình ảnh như: *“Cau ngày càng cao”, “Mẹ ngày một thấp”, “Cau gần với giò”, “Mẹ thì gần đất”* gợi sự tương phản: cau ngày một lớn, một cao thì mẹ ngày một già, lưng mẹ ngày một còng hơn, thấp hơn. Việc sử dụng những hình ảnh ấy góp phần thể hiện tình cảm yêu thương của nhà thơ dành cho mẹ. Vì có yêu thương mẹ, lo lắng cho mẹ thì mới quan sát, thấy được những thay đổi mà thời gian ghi dấu trên tấm lưng mẹ, thấy được lưng mẹ ngày một còng thêm.

d. Trong khổ thơ này, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh: *“Khô gầy như mẹ”*. Việc sử dụng biện pháp tu từ này làm nổi bật hình ảnh mẹ ngày một già đi, gầy hơn, yếu hơn. Cách sử dụng từ *“nâng”* và *“cầm”* trong khổ thơ đã thể hiện được tình cảm của tác giả dành cho mẹ: nâng niu, yêu thương, không ngăn được xúc động khi thấy mẹ ngày càng già, yếu đi như vậy.

2.

a. Cách nhận biết mơ ước của nhân vật xưng “ta”: đầu tiên em cần xác định những từ ngữ, hình ảnh thể hiện mơ ước ấy, chẳng hạn như:

– Từ ngữ: *bày cỗ, vui chơi, rước đèn, múa hát, ca ngợi cuộc đời, du hành, bay cao,...*

– Hình ảnh: *mơ trăng thảng Tằm, trái tâm tư dưới trời trăng sáng, vãn thơ cùng du hành vũ trụ, sưởi ấm vùng trăng lạnh, cập bến các vì sao,...*

Từ những từ ngữ, hình ảnh tìm được, em có thể khái quát hoá để nhận ra ước mơ của nhân vật xưng “ta”: được vui chơi trăng rằm tháng Tám, có một tình yêu đẹp, trở thành nhà thơ để ca ngợi cuộc đời,...

b. Cách nhận xét nét độc đáo của các hình ảnh trong câu thơ:

Đâu chỉ lên trăng, thơ ta còn bay khắp

Theo những con tàu cập bến các vì sao.

– Các hình ảnh trong câu thơ: *thơ ta lên trăng, theo những con tàu cập bến các vì sao.*

– Nét độc đáo:

+ Hình ảnh thơ ẩn tượng, thi vị bởi chúng gợi ra không gian vũ trụ kì vĩ, lãng mạn.

+ Có tác dụng làm nổi bật khát vọng bay bổng, lãng mạn của nhân vật xưng “ta”.

c. Cách xác định và nêu tác dụng biểu đạt của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ cuối:

Đâu chỉ lên trăng, thơ ta còn bay khắp

Theo những con tàu cập bến các vì sao

Như lòng ta chẳng bao giờ nguôi khát vọng

Biết bay rồi, ta lại muốn bay cao.

– Biện pháp tu từ: *so sánh.*

– Tác dụng: cách so sánh khát vọng của lòng ta với hình ảnh “*thơ ta còn bay khắp*”, “*theo những con tàu cập bến các vì sao*” làm cho khát vọng của nhân vật xưng “ta” gợi hình, gợi cảm, sống động, sâu sắc hơn.

d. Em cần nêu những điều em cảm nhận được về tình cảm, cảm xúc của tác giả và chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh, cách trình bày cụ thể trong bài thơ khiến em cảm nhận được tình cảm, cảm xúc đó.

đ. Ở ba khổ thơ đầu, tác giả dùng từ “mơ ước” hoặc “ước mơ”; ở khổ thơ cuối, dùng từ “khát vọng”. Dụng ý của sự thay đổi này là cho thấy sự trưởng thành trong nhận thức của nhân vật xưng “ta” theo thời gian: từ mơ ước đơn giản được vui chơi đêm rằm tháng Tám đến ước vọng tình yêu ở tuổi mới lớn và khát vọng cháy bỏng trở thành thi sĩ để ca ngợi cuộc đời, bay cao, bay xa vào tương lai tươi đẹp.

e. Cách xác định thông điệp của tác giả: em cần đọc lại toàn bộ bài thơ; chú ý những từ ngữ, hình ảnh thể hiện ước mơ, khát vọng của nhân vật xưng “ta” và tình cảm, cảm xúc của tác giả. Em cũng cần liên hệ với kiến thức và trải nghiệm của chính mình để trả lời câu hỏi thông điệp của tác giả có ý nghĩa thể nào đối với em.

3.

a. Cách nhận xét nét độc đáo của khổ thơ thứ nhất:

– Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng để miêu tả bức tranh thiên nhiên.

– Nhận xét tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ ấy trong việc tạo ra nét độc đáo của khổ thơ.

Khổ	Từ ngữ	Hình ảnh	Biện pháp tu từ
1	đỏ, dần, trắng, hồng, lam, ôm ấp, viên, rõ, nháy,...	sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh; sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa; tia nắng tia nháy hoài trong ruộng lúa; đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh;...	so sánh (sương trắng – giọt sữa); nhân hoá (tia nắng nháy, núi uốn mình, đôi thoa son); ẩn dụ (chiếc áo the xanh).

Nhận xét nét độc đáo: Khung cảnh thiên nhiên làng quê lúc bình minh và con đường đi chợ Tết được miêu tả bằng những từ láy đặc sắc; hình ảnh vui tươi, trong sáng với bốn màu được phối sắc hài hoà: trắng, đỏ, hồng, lam; các biện pháp tu từ được sử dụng khéo léo, làm nổi bật vẻ sống động của cảnh vật và sự tươi tắn của con người.

b. Cách nhận xét nét độc đáo của từ ngữ, hình ảnh trong các câu thơ:

– Từ ngữ: *kiosk, hí hoáy, nước thời gian, phau phau,...*

– Hình ảnh: anh hàng tranh kiosk quây đôi bờ; thầy khoá gò lưng trên cánh phan, tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân; cụ đồ nho vuốt râu cằm, nhắm đọc vài hàng câu đối đỏ; bà lão tóc trắng phau phau bán hàng bên miếu cổ.

– Nét độc đáo: mỗi nhân vật được miêu tả gắn với hoạt động liên quan đến nghề nghiệp, có dáng vẻ riêng, ví dụ như bức chân dung bà lão bán hàng bên miếu cổ được khắc tạc bằng lời như một bức vẽ truyền thần; sử dụng từ láy đặc sắc và cách dùng từ độc đáo (nước thời gian) để miêu tả cảnh họp chợ Tết nhộn nhịp đông vui, là nét đẹp của nền văn hoá lâu đời, đậm đà, ý vị.

c. Cách nhận xét vần và nhịp của bài thơ:

– Vần: sử dụng vần chân, hai câu đi liền nhau một vần; vần bằng, vần trắc nối tiếp luân chuyển.

– Nhịp: cách ngắt nhịp linh hoạt 3/5, 3/2/3 nhịp nhàng trong toàn bộ bài thơ tạo nhịp điệu lúc chậm rãi, lúc sôi động ở buổi chợ Tết điển hình của làng quê Việt Nam.

– Nhận xét: Vần và nhịp góp phần tạo nên âm điệu đa dạng của bài thơ: sôi động, náo nhiệt, rộn rã của cảnh bình minh và hoạt động chợ Tết; trầm buồn, tiếc nuối khi chợ đã tan.

d. Cách xác định chủ đề của bài thơ:

– Chủ đề là vấn đề chính mà văn bản nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Bài thơ *Chợ Tết* của Đoàn Văn Cừ là bức tranh làng quê rực rỡ sắc màu, vui tươi, sinh động, mang vẻ đẹp văn hoá dân tộc của một thời quá vãng.

II. TIẾNG VIỆT

1. HS xem phần *Tri thức Ngữ văn* và tự làm.

2. HS xem phần *Tri thức Ngữ văn* và tự làm.

3.

Sự xuất hiện của từ “phượng” bên cạnh từ “huyết” đã làm thay đổi cách hiểu thông thường về từ “huyết” (máu). Trong đoạn thơ này, “huyết” không được dùng với nghĩa “máu” mà dùng để chỉ màu đỏ rực của hoa phượng.

4.

a. Từ “ca hát” (xuất hiện sau cụm từ “trái tim mình”) trong đoạn thơ được dùng để chỉ trạng thái tinh thần vui sướng.

b. Căn cứ để xác định được nghĩa của từ “ca hát” là ngữ cảnh xung quanh, đặc biệt là từ “trái tim” đi cùng với động từ “ca hát”.

5.

a. Từ “cháy bỏng” (đi cùng từ “trước mơ”) được dùng để chỉ ý “mãnh liệt”.

b. HS tự làm.

6.

a. Dù tác giả viết mẹ bé vào nhà “*nỗi đợi vẫn nằm mơ*” nhưng chúng ta hiểu mẹ đã bế em bé đang mơ ngủ vào nhà. Ngữ cảnh của đoạn thơ với các câu mô tả em bé đang chờ mẹ trong đêm cho phép ta hiểu như vậy.

b. HS tự đưa ra nhận xét của mình, chỉ ra được nét độc đáo, thú vị của câu thơ.

III. VIẾT

1. Xem lại tri thức của kiểu bài trong SGK (bài 10, tập 2) và trả lời câu hỏi.

2. Để viết bài văn này, em hãy xem lại mục *Hướng dẫn quy trình viết* (SGK) và lần lượt thực hiện từng bước theo quy trình, gồm: *Chuẩn bị trước khi viết, Tìm ý, lập dàn ý, Viết bài, Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.*

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Trước khi viết, em hãy xác định:

- Đề tài: *Người mà em yêu quý nhất là ai? Vì sao em lại chọn người ấy?*
- Mục đích viết: *Em viết bài này nhằm mục đích gì?* (bộc lộ cảm xúc, tâm sự,...)
- Người đọc: *Người đọc bài viết này có thể là ai?* (thầy cô, bạn bè, người thân, chính người được viết đến,...)
- Nội dung và cách viết dự kiến: *Em sẽ trình bày những nội dung gì?* (Em sẽ bộc lộ cảm xúc gì? Em sẽ miêu tả những gì về nhân vật? Em sẽ kể lại kỉ niệm gì với nhân vật?); *Em sẽ lựa chọn cách viết như thế nào?* (Em sẽ bộc lộ

cảm xúc bằng cách nào? Em sẽ kết hợp với yếu tố tự sự và miêu tả như thế nào khi bộc lộ cảm xúc?)

– *Em sẽ thu thập tư liệu cho bài viết bằng cách nào?* (quan sát để tìm tư liệu miêu tả, phỏng vấn để tìm tư liệu tự sự, hồi tưởng kỉ niệm để nhận diện các cảm xúc của bản thân,...)

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Em có thể tìm ý bằng cách điền vào bảng sau:

Tình cảm, cảm xúc về nhân vật		Một số yếu tố miêu tả, tự sự	
Từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc	Chi tiết lí giải tình cảm, cảm xúc	Yếu tố miêu tả	Yếu tố tự sự
Ví dụ: Tôi vô cùng vui sướng	vì được cô giáo khen kết quả học kì II tiến bộ hơn so với học kì I.	– Người đó có gì đặc biệt về hình dáng? – Tính cách nào của người đó khiến em ấn tượng? – Hành động nào của người đó đã khơi gợi cảm xúc cho em?	– Người đó và em có kỉ niệm gì sâu sắc? – Cuộc đời của người đó có điều gì đặc sắc để kể không?
...	...	...	...
...	...	...	...

Lập dàn ý

Em có thể tham khảo trình tự sắp xếp các ý trong SGK (bài 10, tập 2).

Bước 3: Viết bài

Trước khi viết bài, em cần đọc lại những lưu ý trong SGK (bài 10, tập 2). Trong khi viết bài, em cần đối chiếu với bảng kiểm bài văn biểu cảm về con

người được giới thiệu trong SGK để đảm bảo bài viết sẽ đáp ứng các yêu cầu về kiểu bài.

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

Sau khi viết xong, em hãy dùng bảng kiểm bài văn biểu cảm về con người được giới thiệu trong SGK để tự kiểm tra lại xem bài viết của mình đã đạt các yêu cầu chưa. Nếu chưa, em hãy chỉnh lại những chỗ chưa đạt.

Em có thể sử dụng hai câu hỏi gợi ý ở mục *Rút kinh nghiệm* để tự đánh giá những gì mình đã học được sau khi thực hiện bài viết này. Sau đây là một cách ghi chép kinh nghiệm:

Bí quyết viết bài văn biểu cảm về con người	
1	Cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành:
2	Cách kết hợp các chi tiết miêu tả hiệu quả khi bộc lộ cảm xúc:
3	Cách kết hợp các chi tiết tự sự hiệu quả khi bộc lộ cảm xúc:

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Em hãy xem lại hướng dẫn trong phần *Nói và nghe* ở bài 10 (*Ngữ văn 7, tập hai*) để xác định những gì cần chú ý, từ đó có thể trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống một cách thuyết phục.

2. Để chuẩn bị cho một buổi sinh hoạt nhóm bàn về vấn đề thần tượng đối với giới trẻ hiện nay, em sẽ làm những việc gì? Hãy chuẩn bị cho phần trình bày của mình với những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, đồng thời dự kiến cách bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

Bước 1: Xác định đề tài, thời gian và không gian nói

Hãy suy nghĩ xem với người nghe và mục đích của buổi sinh hoạt như vậy thì mình nên lựa chọn nói gì và nói như thế nào, em có bao nhiêu thời gian để nói,...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

– Để tìm ý cho bài trình bày, em có thể trả lời những câu hỏi sau:

+ Thần tượng là gì?

+ Ý nghĩa, vai trò của thần tượng?

+ Nên có cách ứng xử với thần tượng sao cho đúng?

– Dựa trên các ý đã tìm, em hãy vẽ sơ đồ dàn ý, trong đó chú ý làm rõ từng luận điểm bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, tiêu biểu và xác thực từ cuộc sống, từ sách báo,...

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Hãy xem lại các hướng dẫn ở bài 6 SGK về cách mở đầu, kết thúc, cách lựa chọn từ ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (biểu cảm của nét mặt, động tác hình thể, tranh ảnh, clip, bản nhạc,...) khi luyện tập. Em cũng cần lưu ý cách để làm tăng sự tương tác với người nghe như: nhìn vào mắt người nghe khi nói, nêu câu hỏi cho người nghe. Đồng thời, em thử tự đặt ra một số câu hỏi phản biện mà người nghe có thể đặt ra khi nghe bài trình bày của em và thử trả lời những câu hỏi đó một cách thuyết phục.

Bước 4: Đánh giá

Sử dụng *Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống* ở bài 6, SGK để tự đánh giá cách trình bày của mình. Sau đó, dựa vào kết quả của bảng kiểm, em hãy tự nhận xét những ưu điểm và hạn chế của bản thân khi trình bày bài nói trên và thử đề xuất cách để khắc phục những điểm hạn chế (nếu có).

MỤC LỤC

	Trang
Bài 6. Hành trình tri thức.....	5
Bài 7. Trí tuệ dân gian	18
Bài 8. Nét đẹp văn hoá Việt	32
Bài 9. Trong thế giới viễn tưởng.....	50
Bài 10. Lắng nghe trái tim mình.....	72



Chân trời sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

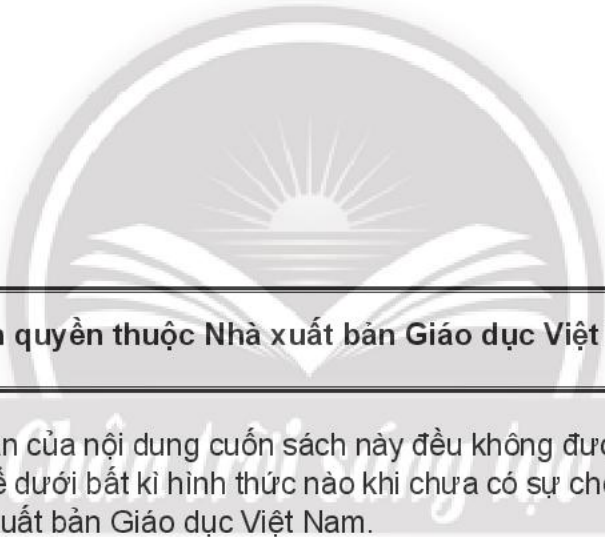
Biên tập mỹ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH



Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP NGỮ VĂN 7 - TẬP HAI (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2BH7V002M22

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/22-397/GD

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31980-7

Tập hai: 978-604-0-31981-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ BÀI TẬP LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Bài tập
NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
2. Bài tập
NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
3. Bài tập
TOÁN 7, TẬP MỘT
4. Bài tập
TOÁN 7, TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 7
Friends Plus - Workbook
6. Bài tập
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
7. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN LỊCH SỬ)
8. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN ĐỊA LÍ)
9. Bài tập
KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
10. Bài tập
CÔNG NGHỆ 7
11. Bài tập
TIN HỌC 7
12. Bài tập
ÂM NHẠC 7
13. Bài tập
MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
14. Bài tập
MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
15. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
16. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử Cáo lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-31981-4



9 786040 319814

Giá: 13.000 đ